



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 10

Ngày 31 tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

08/03/2021	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 04/2021/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La	4
10/03/2021	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 05/2021/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La	6

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

11/03/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 260/NQ-HĐND về việc sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 28-02-2020 của HĐND tỉnh về dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với Quốc lộ 279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La	9
11/03/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 261/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới kế hoạch đầu tư công năm 2021 (đợt 2).	12

11/03/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 262/NQ-HĐND thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn II).	60
11/03/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 263/NQ-HĐND thông qua nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	64
11/03/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 264/NQ-HĐND thông qua nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc lòng hồ Sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	70
11/03/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 265/NQ-HĐND thông qua danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư năm năm 2021 trên địa bàn tỉnh	77

UBND TỈNH

22/02/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 10/CT-UBND về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021	83
25/02/2021	Chỉ thị của UBND tỉnh số 11/CT-UBND về việc tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2021	89
25/02/2021	Chỉ thị của UBND tỉnh số 12/CT-UBND về việc tăng cường quản lý sản xuất, buôn bán và sử dụng phân bón trên địa bàn tỉnh Sơn La	93
05/03/2021	Quyết định của UBND tỉnh số 392/QĐ-UBND về việc đính chính một số nội dung tại Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La.	96

11/03/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 13/CT-UBND tăng cường công tác cấp Căn cước công dân trên địa bàn tỉnh Sơn La	98
------------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 87/TTr-STNMT ngày 19 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 134/2004/QĐ-UB ngày 27 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định tạm thời cụ thể hóa một số nội dung Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng riêng cho thực hiện dự án khu tái định cư Mường Chùm, huyện Mường La;

2. Quyết định số 96/2005/QĐ-UB ngày 06 tháng 8 năm 2005 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy trình di dân tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và
giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 52/TTr-STC ngày 22 tháng 02 năm 2021; Báo cáo số 83/BC-STC ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung, với những nội dung sau:

1. Danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh, gồm:

- Máy vi tính để bàn;
- Máy vi tính xách tay;
- Máy in;
- Máy photocopy;
- Máy Fax.

2. Danh mục tài sản quy định tại Khoản 1, Điều này không bao gồm: Tài sản mua sắm thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng nằm trong một hệ thống gồm nhiều bộ phận riêng lẻ, liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định phải mua sắm chung để đảm bảo tính đồng bộ về kỹ thuật.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện mua sắm tập trung đối với tài sản theo danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh được quy định tại Quyết định này.

4. Xử lý các trường hợp phát sinh

- Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng do yêu cầu cần thiết, cấp bách phải tổ chức thực hiện ngay để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định giao đơn vị tự tổ chức mua sắm hoặc giao Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức mua sắm theo quy định.

- Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung ngoài dự toán được giao đầu năm và đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm, giao đơn vị mua sắm tập trung căn cứ thỏa thuận khung đã được ký kết (nếu có), quy định của pháp luật về đấu thầu để áp dụng hình thức mua sắm phù hợp.

5. Nguồn kinh phí mua sắm tập trung

- Nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 70, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

- Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2021.

2. Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La; Công văn số 1281/UBND-TH ngày 20 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh về việc đình chính Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 260/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 11 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết 179/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh về dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với Quốc lộ 279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 1330/BC-KTNS ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của HĐND tỉnh như sau:

1. Sửa đổi nội dung thông qua chủ trương đầu tư thành phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với Quốc lộ 279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La.

2. Điều chỉnh quy mô đầu tư dự án

2.1. Phạm vi, địa điểm

- Điểm đầu: Km 0 giao với Km 417 (QL.37) tại xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên.

- Điểm trung gian: Các xã Chim Vàn, Pắc Ngà (huyện Bắc Yên); xã Chiềng Hoa (huyện Mường La).

- Điểm cuối: Km 69 + 200 giao với Km 3 + 300 thuộc dự án đường giao thông Chiềng San - Chiềng Hoa do Ban QLDA di dân TĐC làm chủ đầu tư.

- Tổng chiều dài tuyến khoảng: 69,2 km (*đã trừ đoạn tuyến đang khai thác là 7 km từ QL279D đến bản Pá Chiến xã Chiềng Hoa và 3,3 km thuộc dự án đường giao thông Chiềng San - Chiềng Hoa do Ban QLDA di dân tái định cư tỉnh đang thực hiện*).

2.2. Quy mô xây dựng: Phân kỳ đầu tư phù hợp với khả năng cân đối vốn.

Xây dựng hướng tuyến về bình đồ, trắc dọc đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, các chỉ tiêu kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (TCVN 4054-05) có châm chước, cụ thể như sau:

- Tốc độ tính toán $V_{tk} = 30$ Km/h; Bán kính đường cong nằm: $R_{min} = 30m$; Độ dốc dọc tối đa: $I_{max} = 10\%$;

- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5m + W$; Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5m + W$; Bề rộng lề đường: $Bl = 2 \times 1,5m$;

- Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng/lớp móng cấp phối đá dăm;

- Công trình thiết kế với tải trọng H30 - XB 80, khổ bằng khổ nền đường;

- Cầu dầm thiết kế tải trọng HL - 93, khổ cầu bằng khổ nền đường cấp IV B = 7,5 m.

3. Điều chỉnh tổng vốn đầu tư dự kiến: 857.800 triệu đồng (*trong đó dự kiến giao năm 2021 số vốn 20.800 triệu đồng*).

4. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương.

5. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 - 2024.

- Năm 2020 - 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư.

- Năm 2022 - 2024: Triển khai thực hiện, hoàn thành và quyết toán dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XIV, kỳ họp 16 thông qua ngày 11 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS 100b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 261/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 11 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án
khởi công mới kế hoạch đầu tư công năm 2021 (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 1330/BC-KTNS ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới kế hoạch đầu tư công năm 2021 (đợt 2).

Tổng số dự án: 36 dự án (có Phụ lục kèm theo). Trong đó:

- Các hoạt động kinh tế: 27 dự án;
- Lĩnh vực Văn hóa: 01 dự án;
- Lĩnh vực Y tế: 02 dự án;
- Lĩnh vực Giáo dục đào tạo: 04 dự án;
- Lĩnh vực Bảo vệ môi trường: 01 dự án;
- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước: 01 dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS 100b.

CHỦ TỊCH**(Đã ký)****Nguyễn Thái Hưng**

**DANH MỤC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Chương trình, danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Tổng số	36		3.196.026		
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	27		2.924.104		
(1)	Giao thông	15		1.880.950		
1	Đường giao thông Năm Păm - Ngọc Chiến (giai đoạn II), huyện Mường La	B	Mường La	150.000	2021 - 2024	Phụ lục số 01
2	Nâng cấp đường giao thông từ xã Sam Kha đến xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	B	Sốp Cộp	170.000	2021 - 2024	Phụ lục số 02
3	Đường Bon Phặng - Nậm Lầu, huyện Thuận Châu	B	Thuận Châu	130.000	2021 - 2024	Phụ lục số 03
4	Đường giao thông từ Chiềng Khoi - Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	B	Yên Châu	160.000	2021 - 2024	Phụ lục số 04
5	Đường tỉnh 113 (đoạn Phiêng Phụ - thị trấn Sông Mã), huyện Sông Mã	B	Sông Mã	126.000	2021 - 2024	Phụ lục số 05
6	Đường tỉnh 112 (đoạn Làng Chếu - Xím Vàng), huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	B	Bắc Yên	140.000	2021 - 2024	Phụ lục số 06
7	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) - xã Chiềng Khay (bản Nà Mùn), huyện Quỳnh Nhai	B	Quỳnh Nhai	82.000	2021 - 2024	Phụ lục số 07
8	Đường Mường Chanh (Bản Hịa) - TT xã Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn	B	Mai Sơn	148.000	2021 - 2024	Phụ lục số 08

STT	Chương trình, danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Chỉnh trang đô thị: Đoạn Quốc lộ 6 từ Km 180 + 800 -:- Km 187 + 300	B	Mộc Châu	140.000	2021 - 2024	Phụ lục số 09
10	Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Công, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ	C	Mộc Châu, Vân Hồ	44.950	2021 - 2023	Phụ lục số 10
11	Đường giao thông kết nối điểm du lịch Rừng sinh thái Pa Cốp, xã Vân Hồ với trung tâm xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ	C	Vân Hồ	60.000	2021 - 2023	Phụ lục số 11
12	Nâng cấp đường giao thông Nậm Ty, huyện Sông Mã - Mường Chanh, huyện Mai Sơn (đoạn trung tâm xã Nậm Ty - bản Pá Lành, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã - bản Nà Kẹ, xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La	B	Sông Mã; Mai Sơn	130.000	2021 - 2024	Phụ lục số 12
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL6 đi trung tâm xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	C	Thành phố Sơn La	40.000	2021 - 2023	Phụ lục số 13
14	Tuyến đường từ Quảng trường - Trung tâm xã Hua La, thành phố Sơn La	B	Thành phố Sơn La	200.000	2021 - 2024	Phụ lục số 14
15	Tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	B	Thành phố Sơn La	160.000	2021 - 2024	Phụ lục số 15
(2)	Phòng chống thiên tai và ổn định dân cư vùng thiên tai	7		546.930		

STT	Chương trình, danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	C	Sông Mã	20.900	2021 - 2023	Phụ lục số 16
2	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nậm Lạn, xã Mường Lạn	C	Sốp Cộp	15.000	2021 - 2023	Phụ lục số 17
3	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Suối Tre, bản Bèo, xã Tường Phong, huyện Phù Yên	C	Phù Yên	20.000	2021 - 2023	Phụ lục số 18
4	Kè chống sạt lở Suối Tắc bảo vệ khu dân cư các xã Huy Thượng, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên	B	Phù Yên	120.000	2021 - 2024	Phụ lục số 19
5	Khắc phục sạt lở, ngập úng khu Trung tâm Hành chính huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	B	Vân Hồ	98.000	2021 - 2024	Phụ lục số 20
6	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát, xã Cà Nàng	C	Quỳnh Nhai	23.030	2021 - 2023	Phụ lục số 21
7	Thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về Trung tâm thành phố Sơn La	B	Thành phố Sơn La	250.000	2021 - 2024	Phụ lục số 22
(3)	Thủy lợi, hồ, nước sinh hoạt	1		70.842		
1	Hồ Lãng Luông, xã Phông Lãng, huyện Thuận Châu	C	Thuận Châu	70.842	2021 - 2023	Phụ lục số 23
(4)	Lĩnh vực lâm nghiệp	1		153.100		
1	Dự án Bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sơn La	B	Các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn tỉnh	153.100	2021 - 2024	Phụ lục số 24

STT	Chương trình, danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
(5)	Lĩnh vực công nghiệp	1		48.500		
1	Di chuyển đường dây 110 kV, 35 kV mạch kép đoạn Bệnh viện Đa khoa Sơn La - TBA 110 kV Chiềng Sinh	C	Thành phố Sơn La	48.500	2021 - 2023	Phụ lục số 25
(6)	Lĩnh vực khác	2		223.782		
1	Chỉnh trang đô thị dọc đường Điện Biên, thành phố Sơn La	B	Thành phố Sơn La	158.782	2021 - 2022	Phụ lục số 26
2	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	C	Thuận Châu	65.000	2021 - 2023	Phụ lục số 27
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA	1				
1	Khu Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn	B	Mai Sơn	61.319	2021 - 2023	Phụ lục số 28
III	LĨNH VỰC Y TẾ	2		33.000		
1	Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Nhai	C	Quỳnh Nhai	16.500	2021 - 2023	Phụ lục số 29
2	Trung tâm Y tế huyện Sốp Cộp	C	Sốp Cộp	16.500	2021 - 2023	Phụ lục số 30
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	4		182.702		
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tô Hiệu, thành phố Sơn La	B	Thành phố Sơn La	47.394	2021 - 2024	Phụ lục số 31
2	Bổ sung cơ sở vật chất cho trường THPT Tân Lang, huyện Phù Yên	C	Phù Yên	29.095	2021 - 2023	Phụ lục số 32
3	Trường Trung học phổ thông Mường Giôn	B	Quỳnh Nhai	61.213	2021 - 2023	Phụ lục số 33

STT	Chương trình, danh mục dự án	Phân loại dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh	B	Thành phố Sơn La	45.000	2021 - 2023	Phụ lục số 34
V	LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	1		40.000		
1	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải huyện Mộc Châu	C	Mộc Châu	40.000	2021 - 2023	Phụ lục số 35
VI	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	1		16.220		
	Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND xã Phổng Lập, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	C	Thuận Châu	16.220	2021 - 2023	Phụ lục số 36

Phụ lục số 01**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG
NẶM PẨM - NGỌC CHIẾN (GIAI ĐOẠN II), HUYỆN MƯỜNG LA***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Khắc phục hậu quả thiên tai là nhiệm vụ cấp bách nhằm ổn định đời sống tinh thần của nhân dân. Trong giai đoạn II sẽ tập trung nâng cấp hoàn chỉnh tuyến đường Nặm Pẩm - Ngọc Chiến (tỉnh lộ 109) đảm bảo giao thông đáp ứng nhu cầu cấp thiết của nhân dân, đảm bảo kết cấu hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong khu vực.

2. Quy mô đầu tư

Nâng cấp hoàn chỉnh đường giao thông cấp IV, tổng chiều dài tuyến đường $L = 18,0$ km.

- Lý trình Km 0 + 00 đến Km 1 + 115 (đầu tuyến đường TL109 giao với QL.279D tại Km 64 + 600 đi Nặm Pẩm), $L = 1,115$ km.

- Lý trình Km 1 + 115 m đến Km 9 + 420 m (từ bản Hua Nặm đến bản Piêng thuộc địa phận xã Nặm Pẩm), $L = 8,3$ km.

- Lý trình từ Km 32 + 215 đến Km 40 + 800 (từ trung tâm xã Ngọc Chiến, huyện Mường La đến đầu xã Nặm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái), $L = 8,585$ km.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 150.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn:***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	20.600	20.600
Giai đoạn 2022 - 2024	129.400	129.400
Tổng	150.000	150.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Nặm Pẩm, huyện Mường La.**7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 02**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ XÃ SAM KHA ĐẾN XÃ MƯỜNG LÈO, HUYỆN SÓP CỘP***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển đường ô tô đi lại được 4 mùa nối 02 xã Sam Kha và xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp; từng bước xây dựng hoàn thiện cơ sở kết cấu hạ tầng; đáp ứng nhu cầu đi lại, giao lưu phát triển kinh tế - xã hội của nhân dân.

2. Quy mô đầu tư

- Tổng chiều dài tuyến khoảng 40,0 km.
- Điểm đầu: Km 0 $\equiv$ Km 17 + 180 m (đường Púng Bánh -:- Sam Kha).
- Điểm trung gian: Bản Ten Lán, Bản Pú Sút, Bản Chăm Hỷ, Bản Nậm Pừn.
- Điểm cuối: Km 41 $\equiv$ Km 177 + 569.50 m (đường Púng Bánh - Mường Lói).

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 170.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn:***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	22.500	22.500
Giai đoạn 2022 - 2024	147.500	147.500
Tổng	170.000	170.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sam Kha, Xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp.**7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.
- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 03

PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN
ĐƯỜNG BON PHẶNG - NẬM LẦU, HUYỆN THUẬN CHÂU
 (Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện cho người dân, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tăng cường mạng lưới đường giao thông trong khu vực, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống về mọi mặt của nhân dân, giữ vững an ninh quốc phòng địa phương.

2. Quy mô đầu tư

- Tổng chiều dài tuyến L khoảng 15,9 km.
- Điểm đầu: Tại bản Bon, xã Bon Phặng, giao với QL6 Km 323 + 0,00; điểm trung gian đi qua các bản Bon, bản Lảy, bản Chăn xã Bon Phặng.
- Điểm cuối: Bản Tòng, xã Nậm Lầu.

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 130.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn:***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	17.800	17.800
Giai đoạn 2022 - 2024	112.200	112.200
Tổng	130.000	130.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bon Phặng, Nậm Lầu, huyện Thuận Châu.**7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.
- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 04**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐƯỜNG GIAO THÔNG
TỪ CHIỀNG KHOI - PHIỀNG KHOÀI, HUYỆN YÊN CHÂU***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Xây dựng đường giao thông từ Chiềng Khoi - Phiềng Khoài, huyện Yên Châu nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc đi lại, giao lưu trao đổi hàng hoá, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành mạng lưới giao thông trong khu vực theo quy hoạch.

2. Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài tuyến: Khoảng 20 km.

- Địa điểm thực hiện: Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Điểm đầu tuyến: Từ đường vào hồ Chiềng Khoi thuộc xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Điểm cuối tuyến: Thuộc bản Tam Thanh, xã Phiềng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 160.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	21.900	21.900
Giai đoạn 2022 - 2024	138.100	138.100
Tổng	160.000	160.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Chiềng Khoi, Phiềng Khoài, huyện Yên Châu.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 05**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG TỈNH 113 (ĐOẠN PHIÊNG PHỤ - THỊ TRẤN SÔNG MÃ), HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Đầu tư nâng cấp đường tỉnh 113 (đoạn Phiêng Phụ - Thị trấn Sông Mã), huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La để hình thành tuyến đường song song, phá vỡ thế độc đạo của Quốc lộ 4G; rút ngắn khoảng cách, thời gian di chuyển từ thành phố Sơn La đến các huyện Sông Mã, Sốp Cộp; hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch đã được phê duyệt; chuẩn bị điều kiện nâng lên thành quốc lộ; tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

2. Quy mô đầu tư xây: Tổng chiều dài đoạn tuyến khoảng 13 km.

- Điểm đầu: Km 30 + 126, đường tỉnh 113 (bản Phiêng Phụ, xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn).

- Điểm trung gian: Bản Nong Lếch, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã.

- Điểm cuối: Km 43 + 00, đường tỉnh 113 (bản Nà Hin, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã).

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 126.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	17.300	17.300
Giai đoạn 2022 - 2024	108.700	108.700
Tổng	126.000	126.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Mai Sơn, Sông Mã, tỉnh Sơn La.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 06

**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG TỈNH 112
(ĐOẠN LÀNG CHẾU - XÍM VÀNG), HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA**
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 112 (Làng Chếu - Xím Vàng), huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La để khắc phục hư hỏng, xuống cấp; nâng cao chất lượng khai thác, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong khu vực; tạo điều kiện giao lưu phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, thúc đẩy phát triển du lịch; củng cố quốc phòng - an ninh; từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài đoạn tuyến khoảng 27 km.

- Điểm đầu: Km 20, ĐT.112 thuộc xã Làng Chếu, huyện Bắc Yên (nối tiếp với điểm cuối đoạn Km14 - Km20, ĐT.112 đã được UBND tỉnh cho chủ trương sửa chữa).

- Điểm cuối: Giáp ranh với huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 140.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn**

DVT: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	19.200	19.200
Giai đoạn 2022 - 2024	120.800	120.800
Tổng	140.000	140.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 07**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐƯỜNG GIAO THÔNG
TỪ XÃ CÀ NÀNG (BẢN PHÁT) - XÃ CHIỀNG KHAY
(BẢN NÀ MÙN) HUYỆN QUỲNH NHAI***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Công trình sau khi được xây dựng sẽ đáp ứng nhu cầu về đi lại thông thương, vận chuyển hàng hóa của nhân dân hai xã Cà Nàng, xã Chiềng Khay nói riêng và nhân dân các xã lân cận nói chung. Đồng thời góp phần tạo nên mạng lưới đường giao thông tương đối hoàn chỉnh trong khu vực.

2. Quy mô đầu tư

- Tổng chiều dài tuyến khoảng: 18,5 km

- Điểm đầu tuyến: Km 0 + 00: Đầu nối từ Km 36 + 400 tuyến đường QL279 đi Cà Nàng thuộc địa phận bản Phát (giáp ranh giữa bản Phát và bản Pà Lò), xã Cà Nàng.

- Điểm cuối tuyến: Km 18 + 500 thuộc bản Nà Mùn, xã Chiềng Khay.

3. Nhóm dự án: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 82.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn*DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	11.200	11.200
Giai đoạn 2022 - 2024	70.800	70.800
Tổng	82.000	82.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cà Nàng, xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 08**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG MƯỜNG CHANH
(BẢN HẠ) - TRUNG TÂM XÃ CHIỀNG NƠI, HUYỆN MAI SƠN***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại 4 mùa, giao thương hàng hóa, ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

2. Quy mô đầu tư

- Tổng chiều dài toàn tuyến: Khoảng 26 km.
- Điểm đầu tuyến: Trung tâm xã Mường Chanh.
- Điểm trung gian: Đi qua các bản: Bản Hạ, xã Mường Chanh, bản Pá Hóc, bản Nhụng Trên, xã Chiềng Nọi.
- Điểm cuối tuyến: Trung tâm xã Chiềng Nọi.

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 148.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	20.300	20.300
Giai đoạn 2022 - 2024	127.700	127.700
Tổng	148.000	148.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Mường Chanh, xã Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.
- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 09**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ
ĐOẠN QUỐC LỘ 6 TỪ KM 180 + 800 -:- KM 187 + 300, HUYỆN MỘC CHÂU**
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)**1. Mục tiêu đầu tư**

Từng bước hoàn thiện các hạng mục cơ sở hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch được duyệt nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, lâu dài và phát triển du lịch theo mục tiêu của quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã đề ra.

Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện cho khu vực, đáp ứng nhu cầu đi lại cũng như hoạt động tham quan du lịch của nhân dân trong vùng và du khách đến thăm quan, từng bước hoàn thành các tiêu chí đưa Mộc Châu lên đô thị loại IV, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện bộ mặt cảnh quan của huyện Mộc Châu.

2. Quy mô đầu tư

Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị TCXDVN 104 - 2007 và tiêu chuẩn TCVN 8819:2011, có chiều dài tuyến khoảng: 6,5 km.

- Điểm đầu tuyến: Km 180 + 800 đường Quốc lộ 6 (khu vực nhà hàng Nam Hưng, tiểu khu Chiềng Di, thị trấn Nông Trường Mộc Châu).

- Điểm cuối tuyến: Km 187 + 300 đường Quốc lộ 6 (đường lên trạm Truyền thanh truyền hình huyện, tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu).

3. Nhóm dự án: Nhóm B.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 140.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	19.200	19.200
Giai đoạn 2022 - 2024	120.800	120.800
Tổng	140.000	140.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 10

**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG
TỪ QUỐC LỘ 6 QUA TIỂU KHU VƯỜN ĐÀO, THỊ TRẤN
NÔNG TRƯỜNG MỘC CHÂU, HUYỆN MỘC CHÂU ĐẾN
BẢN THUÔNG CUÔNG, XÃ VÂN HỒ, HUYỆN VÂN HỒ**
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đảm bảo hệ thống giao thông kết nối với khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư nhằm thu hút các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

2. Quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến đường khoảng 3,2 km, cụ thể như sau:

- Điểm đầu: Đường QL6 phía trái tuyến (Km 181 + 467)
- Điểm cuối: Bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 44.950 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn NS tỉnh (bổ sung cân đối)	Tổng cộng
Năm 2021	8.990	8.990
Giai đoạn 2022 - 2023	35.960	35.960
Tổng	44.950	44.950

6. Địa điểm thực hiện dự án

Tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu và bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023.**8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021 - 2022: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.
- Năm 2023: Hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 11**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG
KẾT NỐI ĐIỂM DU LỊCH RỪNG SINH THÁI PA CỐP, XÃ VÂN HỒ
ĐẾN TRUNG TÂM XÃ CHIỀNG XUÂN, HUYỆN VÂN HỒ**
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)**1. Mục tiêu đầu tư**

Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính kết nối điểm du lịch Danh thắng Rừng sinh thái Pa Cốp, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại các điểm du lịch theo quy hoạch, giúp gắn kết các điểm du lịch trong khu vực thành vùng du lịch, qua đó thu hút đầu tư, hình thành các sản phẩm du lịch đặc sắc, đa dạng, độc đáo góp phần phát triển du lịch bền vững.

2. Quy mô đầu tư

- Đầu tư xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B theo Tiêu chuẩn TCVN 10380:2014, tổng chiều dài tuyến khoảng: 15,0 km.

- Điểm đầu tuyến giao với tuyến đường tỉnh lộ 102 tại Km 3 + 900 thuộc địa phận bản Pa Cốp, xã Vân Hồ.

- Điểm cuối tuyến giao đường tỉnh lộ 102 tại Km 31 + 690, thuộc địa phận xã Chiềng Xuân.

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 60.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Tổng cộng
Năm 2021	9.000	9.000
Giai đoạn 2022 - 2023	51.000	51.000
Tổng	60.000	60.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Vân Hồ, xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2021 - 2022: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.

- Năm 2023: Hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 12

**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NÂNG CẤP
ĐƯỜNG GIAO THÔNG NẬM TY, HUYỆN SÔNG MÃ - MƯỜNG CHANH,
HUYỆN MAI SƠN (ĐOẠN TRUNG TÂM XÃ NẬM TY - BẢN PÁ LÀNH,
XÃ NẬM TY, HUYỆN SÔNG MÃ - BẢN NÀ KẼ, XÃ NẬM LẦU,
HUYỆN THUẬN CHÂU) TỈNH SƠN LA**
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư nâng cấp tuyến đường giúp kết nối giao thông, rút ngắn thời gian di chuyển giữa huyện Sông Mã với hai huyện Thuận Châu, Mai Sơn và thành phố Sơn La, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

2. Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài tuyến khoảng 27 km.

- Điểm đầu tuyến: Km 0 giao với Km 25 (dự án đường giao thông đến trung tâm xã Nậm Ty, Chiềng Phung và Chiềng En).

- Điểm trung gian: Bản Mện, bản Há, bản Mòn, bản Có, bản Pá Lành thuộc xã Nậm Ty, huyện Sông Mã và bản Pá Ó, bản Ít Công thuộc xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu.

- Điểm cuối tuyến: Giao với đường tỉnh 108 - Mường Chanh tại bản Nà Kẹ, xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu.

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 130.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	17.800	17.800
Giai đoạn 2022 - 2024	112.200	112.200
Tổng	130.000	130.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Sông Mã, Mai Sơn và Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 13**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP
TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 6 ĐI TRUNG TÂM XÃ CHIỀNG ĐEN,
THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 6 đi vào trung tâm xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La, góp phần đảm bảo an toàn giao thông, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại II của thành phố Sơn La.

2. Quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến đường khoảng 8,5 km, cụ thể như sau:

- Điểm đầu giao với đường Quốc lộ 6.
- Điểm cuối tại trung tâm xã Chiềng Đen.

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 40.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Tổng cộng
Năm 2021	8.000	8.000
Giai đoạn 2022 - 2023	32.000	32.000
Tổng	40.000	40.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Chiềng Đen, Thành phố Sơn La.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021 - 2022: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.
- Năm 2023: Hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 14
PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TUYẾN ĐƯỜNG
TỪ QUẢNG TRƯỜNG - TRUNG TÂM XÃ HUA LA, THÀNH PHỐ SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Hình thành hướng kết nối giao thông từ khu vực Quảng trường, Trung tâm hành chính tỉnh với đường tránh Quốc lộ 6. Góp phần nâng cấp hạ tầng giao thông, phát triển đô thị về phía Tây Nam, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại II.

2. Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng mới tuyến đường có chiều dài tuyến khoảng 2,2 km (*điểm đầu tại nút giao cầu Coóng Nọi và điểm cuối tuyến được đấu nối với QL6 tránh*), thiết kế tuyến đường có Bn = 31,0 m; Bm = 21,0 m; Bh = 2 x 5,0 m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, hệ thống đảm bảo an toàn giao thông, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước...

3. Nhóm dự án: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 200.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn:

DVT: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Tổng cộng
Năm 2021	13.000	13.000
Giai đoạn 2022 - 2024	187.000	187.000
Tổng	200.000	200.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Sơn La.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 15
PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TUYẾN ĐƯỜNG
HOÀNG QUỐC VIỆT - MÉ BAN - TRẦN ĐĂNG NINH, THÀNH PHỐ SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Nâng cấp hạ tầng đô thị, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II; góp phần giảm tải mật độ giao thông; hình thành hướng kết nối giao thông khu vực phường Quyết Tâm đến khu Quảng trường.

2. Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng mới tuyến đường có chiều dài tuyến khoảng 800 m (*điểm đầu từ đường Hoàng Quốc Việt, qua khu dân cư bản Buồn, bản Mé Ban, phường Chiềng Còi, điểm cuối giao cắt với đường Trần Đăng Ninh*), kết cấu mặt đường bê tông nhựa, hệ thống đảm bảo an toàn giao thông, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước...

3. Nhóm dự án: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 160.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Tổng cộng
Năm 2021	11.000	11.000
Giai đoạn 2022 - 2024	149.000	149.000
Tổng	160.000	160.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Sơn La.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2021: Chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án, thực hiện dự án.

- Giai đoạn 2022 - 2024: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 16**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN BỐ TRÍ, SẮP XẾP
DÂN CƯ BẢN TA LÁT, XÃ MUỜNG CAI, HUYỆN SÔNG MÃ***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nhằm đảm bảo cho 55 hộ dân có một nơi ở mới ổn định, phát triển bền vững và từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất hạ tầng khu vực theo đúng quy hoạch, góp phần ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư

Bố trí sắp xếp 55 hộ dân đang sinh sống dự kiến dưới hình thức tại định cư tập trung, cụ thể như sau:

- San ủi nền nhà: 55 hộ, 01 nền nhà văn hóa.
- Hệ thống cấp nước sinh hoạt: 55 hộ, 01 nhà văn hóa.
- Đường vào điểm: Chiều dài khoảng 1,60 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp B-GTNT (TCVN 10380:2014).
- Đường nội bộ: Chiều dài khoảng 1,0 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp C-GTNT (TCVN 10380:2014).

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.900 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng cộng
Năm 2021	2.600		2.600
Năm 2022 - 2023	10.400	7.900	18.300
Tổng	13.000	7.900	20.900

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Mường Cai, huyện Sông Mã.**7. Thời gian thực hiện dự án: 2021 - 2023****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.
- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 17**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN BỐ TRÍ, SẮP XẾP DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI BẢN NẬM LẠN, XÃ MƯỜNG LẠN, HUYỆN SÓP CỘP**
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)**1. Mục tiêu đầu tư**

Nhằm sắp xếp ổn định tái định cư cho 40 hộ dân bản Nậm Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp hiện nay đang sống trong vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho 40 hộ đến nơi ở mới, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Quy mô đầu tư

- San ủi nền nhà: 40 nền.
- Hệ thống cấp nước sinh hoạt: 40 hộ.
- Đường vào điểm: Chiều dài khoảng 4,0 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp B-GTNT (TCVN 10380:2014).
- Đường nội bộ: Chiều dài khoảng 1,0 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp C-GTNT (TCVN 10380:2014).

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 15.000 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng cộng
Năm 2021	1.800		1.800
Năm 2022 - 2023	7.200	6.000	13.200
Tổng	9.000	6.000	15.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp.**7. Thời gian thực hiện dự án: 2021 - 2023****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.
- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 18**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN BỐ TRÍ,
SẮP XẾP DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI BẢN SUỐI TRE, BẢN BÈO,
XÃ TƯỜNG PHONG, HUYỆN PHÙ YÊN***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật diêm tái định cư để đảm bảo an toàn tính mạng con người, kịp thời ổn định đời sống và sản xuất cho người dân vùng bị ảnh hưởng thiên tai, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư

Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho diêm tái định cư tập trung quy mô 41 hộ dân, cụ thể như sau:

- San ủi nền nhà: 41 hộ.
- Nước sinh hoạt cho 41 hộ.
- Hệ thống cấp điện: 41 hộ.
- Kè chống sạt: Xây dựng kè chiều dài khoảng 500 m.
- Đường vào diêm: Chiều dài khoảng 2,0 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp B-GTNT (TCVN 10380:2014).
- Đường nội bộ: Chiều dài khoảng 2,0 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp C-GTNT (TCVN 10380:2014).

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.000 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng cộng
Năm 2021	2.400		2.400
Năm 2022 - 2023	9.600	8.000	17.600
Tổng	12.000	8.000	20.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tường Phong, huyện Phù Yên.**7. Thời gian thực hiện dự án: 2021 - 2023****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2020 - tháng 5 năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư.
- Năm 2021 - 2023: Triển khai thực hiện dự án nghiệm thu và quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 19
PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN KÈ CHỐNG
SẠT LỖ SUỐI TẮC BẢO VỆ KHU DÂN CƯ CÁC XÃ HUY THƯỢNG,
XÃ HUY HẠ, HUYỆN PHÙ YÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Xây dựng kè chống sạt lở bờ trái suối Tắc đoạn từ cầu Nà Xá đến hạ lưu bản Trò 2 thuộc xã Huy Hạ, huyện Phù Yên nhằm bảo đảm an toàn cho khoảng 800 hộ dân và 200 ha ruộng; góp phần ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân và nâng cao đời sống của nhân dân, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của huyện.

2. Quy mô đầu tư

Kè chống sạt lở được xây dựng gồm 03 đoạn nằm hai bên bờ suối Tắc với tổng chiều dài: L = 4.000 m.

3. Nhóm dự án: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 120.000 triệu đồng

5. Cơ cấu nguồn vốn

DVT: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	16.800	16.800
Năm 2022 - 2024	103.200	103.200
Tổng	120.000	120.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

7. Thời gian thực hiện dự án: 2021 - 2024

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.
- Năm 2022 - 2024: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, nghiệm thu và quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 20**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN KHẮC PHỤC
SẠT LỖ, NGẬP ÚNG KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH
HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Kè chống sạt lở, ngập úng Trung tâm hành chính huyện Vân Hồ chảy qua trung tâm hành chính huyện nhằm phòng chống lũ lụt, sạt lở đất bảo vệ khu dân cư; cải tạo môi trường sinh thái và cảnh quan đô thị; góp phần giữ vững ổn định an ninh, chính trị, an toàn xã hội cho thị trấn vùng biên giới.

2. Quy mô đầu tư

Xây dựng Kè chống sạt lở, ngập úng trung tâm hành chính huyện Vân Hồ với chiều dài dự kiến khoảng $L = 4.000$ m và các công trình trên tuyến (gồm cống thoát nước, bậc lên xuống, cầu dân sinh...).

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 98.000 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn***ĐVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	13.700	13.700
Năm 2022 - 2024	84.300	84.300
Tổng	98.000	98.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.**7. Thời gian thực hiện dự án: 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2024: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 21**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN, BỐ TRÍ, SẮP XẾP DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI BẢN PHÁT, XÃ CÀ NÀNG, HUYỆN QUỲNH NHAI***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Công trình sau khi được xây dựng sẽ bố trí, sắp xếp di chuyển, tái định cư tập trung cho 35 hộ dân bản Phát, xã Cà Nàng ra khỏi vùng thiên tai sạt lở đất, đá; đồng thời xây dựng hệ thống hạ tầng thiết yếu gồm: San nền nhà, hệ thống giao thông, hệ thống điện, hệ thống nước sinh hoạt để đảm bảo ổn định cuộc sống của người dân; từng bước đưa xã Cà Nàng đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Quy mô đầu tư

- San ủi nền nhà: 35 nền.
- Hệ thống cấp nước sinh hoạt: 35 hộ.
- Hệ thống cấp điện: 35 hộ.
- Đường vào điểm: Chiều dài khoảng 0,4 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp B-GTNT (TCVN 10380:2014).
- Đường nội bộ: Chiều dài khoảng 1,5 km thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp C-GTNT (TCVN 10380:2014).

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 23.030 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng cộng
Năm 2021	2.760		2.760
Năm 2022 - 2023	11.058	9.212	20.270
Tổng	13.818	9.212	23.030

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai**7. Thời gian thực hiện dự án: 2021 - 2023****8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.
- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, nghiệm thu và quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 22**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN THOÁT LŨ KHU VỰC
CHIỀNG SINH VỀ TRUNG TÂM THÀNH PHỐ SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Tiêu thoát lũ, chống ngập úng trên dòng chảy suối nhánh của suối Nậm La đoạn từ phường Chiềng Sinh đến cầu 308, bảo đảm an toàn cho người, tài sản và cơ sở hạ tầng thành phố Sơn La.

2. Quy mô đầu tư

Xây dựng hệ thống kênh tiêu thoát lũ, chống úng ngập cho thành phố Sơn La (đoạn nhánh của suối Nậm La đoạn từ phường Chiềng Sinh đến cầu 308 dọc theo Quốc lộ 6); tổng chiều dài công trình dự kiến khoảng 6,2 km.

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 250.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Nguồn vốn ngân sách thành phố Sơn La	Tổng cộng
Năm 2021	35.000		35.000
Năm 2022 - 2024	185.000	30.000	215.000
Tổng	220.000	30.000	250.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2024: Tiếp tục thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 23

PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN
HỒ LĂNG LUÔNG, XÃ PHỔNG LĂNG, HUYỆN THUẬN CHÂU
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Điều tiết làm cân bằng nước trong lưu vực suối Huổi Lăng và trên suối Muổi đoạn từ địa phận xã Phông Lăng đến xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, cấp nước cho sinh hoạt, nông nghiệp, thủy sản, ngoài ra còn tạo cảnh quan phát triển kinh tế du lịch.

2. Quy mô đầu tư

Xây dựng hồ chứa nước với dung tích hữu ích 0,2 triệu m³ cấp nước tưới ổn định cho hơn 120 ha ruộng lúa hai vụ của xã Phông Lăng, Chiềng Ly, 3 ha ao cá của bản Lăng Luông, xã Phông Lăng;

Cấp nước sinh hoạt, dịch vụ cho bản Lăng Luông, xã Phông Lăng. Các hạng mục chính: Đập ngăn nước, công lấy nước dưới đập và tràn xả lũ; Tuyến kênh chính và các công trình trên kênh; Đường thi công kết hợp quản lý từ Quốc lộ 6 vào công trình.

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 70.842 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (Bổ sung cân đối)	Tổng cộng
Năm 2021	10.630	10.630
Năm 2022 - 2023	60.212	60.212
Tổng số	70.842	70.842

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Phông Lăng, huyện Thuận Châu.**7. Thời gian thực hiện: 2021 - 2023****8. Tiến độ thực hiện:**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.
- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 24**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN BẢO TỒN
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC KHU RỪNG ĐẶC DỤNG,
PHÒNG HỘ TRÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Quản lý bền vững hệ thống rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh góp phần bảo vệ, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, các nguồn gen động, thực vật rừng đặc hữu, quý, hiếm của rừng đặc dụng nhằm phát huy và khai thác có hiệu quả các tiềm năng, giá trị của rừng phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và giữ vững an ninh, quốc phòng của địa phương. Đồng thời nâng cao khả năng phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ.

2. Quy mô đầu tư***) Hạng mục lâm sinh**

- Trồng, khôi phục, bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ: Quy mô khoảng 800 ha;

- Xây dựng đường băng cản lửa phòng cháy chữa cháy rừng (*xây dựng đường băng trắng, băng xanh và duy tu, bảo dưỡng một số đường băng trắng đã thực hiện từ trước*): quy mô khoảng 264 km.

***) Hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác bảo vệ rừng, PCCCR và bảo tồn đa dạng sinh học.**

- Xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn trong các khu rừng đặc dụng: Quy mô khoảng 26 biển/bảng.

- Xây dựng 03 khu lưu giữ và sưu tập các loài động, thực vật quy mô mỗi khu khoảng từ 5 đến 10 ha (*có hệ thống vườn ươm, trang thiết bị để lưu giữ, sưu tập các loài động, thực vật*).

- Xây dựng đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng gắn với phòng cháy chữa cháy rừng: Quy mô khoảng 93 km (*gồm: 60 km đường nội bộ trong các khu rừng đặc dụng và 33 km đường đến các khu rừng đặc dụng, phòng hộ*).

- Xây dựng mới 05 trạm bảo vệ rừng. Quy mô mỗi trạm diện tích xây dựng khoảng 200 m², gồm: 02 phòng làm việc, 02 phòng ngủ, 01 phòng sinh hoạt chung, bếp ăn, nhà vệ sinh, các công trình phụ trợ; các trang thiết bị thiết yếu: Bàn, ghế, tủ, máy tính, máy in, quạt....

3. Nhóm dự án: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 153.100 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Tổng cộng
Năm 2021	21.400	21.400
Năm 2022 - 2024	131.700	131.700
Tổng	153.100	153.100

6. Địa điểm thực hiện dự án

Tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Khu rừng đặc dụng, phòng hộ Thuận Châu (*địa bàn huyện Thuận Châu và huyện Quỳnh Nhai*);
- Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La (*huyện Mường La*);
- Khu rừng đặc dụng, phòng hộ Sốp Cộp (*địa bàn huyện Sông Mã, Sốp Cộp*);
- Khu rừng đặc dụng Xuân Nha (*địa bàn huyện Mộc Châu và huyện Vân Hồ*);
- Khu rừng đặc dụng Tà Xùa (*địa bàn huyện Bắc Yên và Phù Yên*).
- Các khu rừng phòng hộ tại các huyện: Mai Sơn, Yên Châu, Sông Mã, Mộc Châu, Vân Hồ, Mường La, Bắc Yên.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2021 - 2024

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Từ quý IV năm 2020 - quý I năm 2021: Lập, trình thẩm định, phê duyệt dự án.
- Từ quý II năm 2021 - năm 2022: Đầu tư trồng xong toàn bộ diện tích trồng rừng đặc dụng, phòng hộ và đầu tư xây dựng một số công trình cơ sở hạ tầng.
- Năm 2023 - 2024: Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng; tiếp tục đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng còn lại và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 25**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN DI CHUYỂN
ĐƯỜNG DÂY 110KV, 35KV MẠCH KÉP ĐOẠN BỆNH VIỆN
ĐA KHOA SƠN LA - TBA 110KV CHIỀNG SINH***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Di chuyển đường điện phục vụ triển khai các dự án, công trình xây dựng dọc đoạn từ trụ sở UBND phường Chiềng Sinh (Trạm biến áp 110kV Sơn La) đến đầu đường đôi theo quy hoạch đô thị thành phố Sơn La và các quy hoạch có liên quan. Tạo mặt bằng để phát triển đô thị, góp phần hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại II của thành phố Sơn La, tiến tới phát triển thành đô thị loại I.

2. Quy mô đầu tư

Di chuyển các tuyến đường dây 110kV mạch đơn; tuyến đường dây 35kV mạch đơn; tuyến đường dây 35kV mạch kép.

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 48.500 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Tổng cộng
Năm 2021	9.700	9.700
Năm 2022 - 2023	38.800	38.800
Tổng số	48.500	48.500

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La.**7. Thời gian thực hiện dự án: 2021 - 2023****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 26**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN CHỈNH TRANG
ĐÔ THỊ DỌC ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN, THÀNH PHỐ SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan đô thị, đảm bảo mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, hoàn thiện các hạng mục chỉnh trang đô thị khu vực dọc đường Điện Biên, thành phố Sơn La và có mặt bằng sạch để đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

2. Quy mô đầu tư

- Bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đất ở đô thị đối với 32 hộ gia đình với diện tích 1.570 m² khu mặt đường Điện Biên, thuộc tổ 4, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La (*đoạn từ ngõ vào Nhà văn hoá tổ 4 đến tuyến đường số 2A và từ tuyến 2A đến giáp tuyến 1A*).

- Đầu tư xây dựng mở rộng mặt đường, hệ phố đường Điện Biên và các nút giao thông tuyến đường số 1A, 2A đầu nối với Quốc lộ 6, gồm:

+ Phá dỡ kết cấu nhà hiện trạng, kết cấu vỉa hè hiện trạng, san ủi mặt bằng;

+ Xây dựng mở rộng kết cấu mặt đường khoảng 1.450 m² (kết cấu bê tông nhựa hạt mịn, xây dựng hệ phố khoảng 808,0 m² (*lát đá xanh tự nhiên*) tuyến đường Điện Biên (*đoạn từ ngõ vào Nhà văn hoá tổ 4 đến tuyến đường số 2A và từ tuyến 2A đến giáp tuyến 1A*); hoàn thiện các nút giao thông tuyến đường số 1A, 2A đầu nối với Quốc lộ 6 thuộc Quảng trường Tây Bắc;

+ Xây dựng mới hệ thống thoát nước mặt, hệ thống chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống biển báo đảm bảo an toàn giao thông.

- Hoàn thiện dự án Ao cá Bác Hồ (*khuôn viên, cảnh quan và các hạng mục phụ trợ*).

+ Quy mô diện tích: Khoảng 635,0 m².

+ San ủi mặt bằng, bổ sung đất màu tạo đồi cảnh quan;

+ Xây dựng hệ thống điện trang trí, hệ thống thoát nước mặt, thoát nước thấm ngầm;

+ Trồng thảm cỏ, thảm hoa, cây cảnh, cây bóng mát...

- Thực hiện bồi thường, hỗ trợ và xây dựng 03 điểm tái định cư tại 03 khu đất (*gồm: Công ty Cổ phần xây dựng và dịch vụ Hoa Ban, HTX mua bán Chiềng Lè và một phần đất mặt tiếp giáp kè suối Nậm La thuộc dự án Khu dân cư mới phường Quyết Thắng*) để thu hồi diện tích khoảng 17.360 m² đất; phá dỡ tài sản, san ủi tạo mặt bằng; xây dựng các hạ tầng như: Hệ thống cấp điện, hệ thống cấp

nước và hệ thống nước thải..., để bố trí tái định cư cho các hộ gia đình phải di chuyển. Sau khi hoàn thành các điểm tái định cư trên sẽ tạo ra khoảng 7.720,3 m² đất ở với 90 thửa đất (trong đó: Khu dân cư mới phường Quyết Thắng 6.478,0 m² bằng 76 thửa đất, Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần dịch vụ Hoa Ban 847 m² bằng 09 thửa đất; Khu đất thu hồi HTX mua bán Chiềng Lè 386,3 m² bằng 05 thửa đất).

3. Nhóm dự án: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 158.782 triệu đồng

5. Cơ cấu nguồn vốn và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Tổng cộng
2021	58.540	58.540
2022	100.242	100.242
Tổng	158.782	158.782

6. Địa điểm thực hiện: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2022.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 27**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ
THỊ TRẤN THUẬN CHÂU, HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Nâng cấp, cải tạo lòng đường, khuôn viên vỉa hè các tuyến đường nội thị, đầu tư hệ thống điện chiếu sáng; cải tạo, nạo vét hồ Nong Luông nhằm hoàn thiện các tiêu chí đô thị, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, góp phần tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

2. Quy mô đầu tư

- Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông tổng chiều dài khoảng 1,1 km;
- Cải tạo, nạo vét hồ Nong Luông; xây dựng đài phun nước; xây lại các vị trí kè bờ hồ bị sạt lở; mương bê tông cốt thép chiều dài 240 m; sửa chữa, thay thế, bổ sung bóng đèn trang trí xung quanh hồ.

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 65.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn:***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng cộng
Năm 2021	7.200		7.200
2022 - 2023	28.800	29.000	57.800
Tổng	36.000	29.000	65.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023.****8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.
- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 28**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN KHU DI TÍCH
LỊCH SỬ NGÃ BA CÒ NÒI, HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Cụ thể hóa quy hoạch được phê duyệt. Bảo tồn di sản văn hóa, góp phần nâng cao chất lượng môi trường, cảnh quan, phát triển du lịch văn hóa tâm linh, kết nối các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh.

2. Quy mô đầu tư

- Bồi thường giải phóng mặt bằng nhà ở hiện trạng và khu dân cư bao gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất, dự kiến diện tích giải phóng mặt bằng khoảng 59.334 m².

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật toàn khu bao gồm: San nền, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như trạm biến áp, bãi thu gom chất thải, sân vườn tổng thể....

- Xây dựng khu quảng trường dịch vụ kết hợp bãi đỗ xe, khu công viên chứng tích.

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 61.319 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Vốn xã hội hóa	Tổng cộng
2021	11.500		11.500
2022 - 2023	38.500	11.319	49.819
Tổng cộng	50.000	11.319	61.319

6. Địa điểm thực hiện: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.**7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.****8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, nghiệm thu và quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 29
PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUỲNH NHAI
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Hoàn thiện cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong huyện.

2. Quy mô đầu tư

- Xây dựng nhà khối chuyên môn 3 tầng, diện tích xây dựng 290 m²; diện tích sàn 807 m² theo thiết kế mẫu tại Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Sơn La.

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn.

- Các hạng mục phụ trợ: Đầu tư xây dựng nhà cầu, nhà bảo vệ, nhà để xe, sân, cổng, hàng rào, hệ thống xử lý nước thải.

3. Nhóm dự án: Nhóm C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 16.500 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn

DVT: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (nguồn thu xổ số kiến thiết)	Tổng cộng
2021	3.800	3.800
2022 - 2023	12.700	12.700
Tổng	16.500	16.500

6. Địa điểm thực hiện: Trung tâm huyện Quỳnh Nhai.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 30**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SÓP CỘP***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Hoàn thiện cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong huyện.

2. Quy mô đầu tư

Xây dựng theo thiết kế mẫu tại Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Sơn La, gồm các hạng mục:

- Xây dựng nhà khối chuyên môn 3 tầng, diện tích xây dựng 272 m²; diện tích sàn 807 m².

- Xây dựng nhà hành chính quản trị và đào tạo ngành 3 tầng, diện tích xây dựng 238 m², diện tích sàn 703 m².

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn.

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà để xe, sân, cổng, tường rào, bể nước, san nền, kê, hạ tầng điện nước ngoài nhà, phòng cháy chữa cháy ngoài nhà, phá dỡ....

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 16.500 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (nguồn thu xổ số kiến thiết)	Tổng cộng
2021	3.800	3.800
2022 - 2023	12.700	12.700
Tổng	16.500	16.500

6. Địa điểm thực hiện: Trung tâm huyện Sốp Cộp.**7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 31

**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN CẢI TẠO,
NÂNG CẤP TRƯỜNG THPT TÔ HIỆU, THÀNH PHỐ SƠN LA**
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hiệu quả cho công tác dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông mới của các thầy, cô giáo và con em đồng bào dân tộc trên địa bàn; đáp ứng nhu cầu học tập và yêu cầu đổi mới, chuẩn hóa, từng bước hiện đại hóa giáo dục đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của nhà trường; Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2025.

2. Quy mô đầu tư

- 01 Nhà lớp học 4 tầng số 1: Trong đó có bố trí gồm 03 phòng học ngoại ngữ, 03 phòng học tin học, 01 phòng học đa chức năng và 01 phòng thư viện.

- 01 Nhà lớp học 4 tầng số 2: Trong đó có bố trí gồm 02 phòng học bộ môn vật lý, 02 phòng học bộ môn hóa học, 02 phòng học bộ môn sinh học, 02 phòng học bộ môn công nghệ và 04 phòng học thông thường.

- 01 Nhà hiệu bộ: Bố trí các phòng làm việc chức năng của ban giám hiệu và khối hành chính quản trị, tầng trệt kết hợp làm chỗ để xe.

- 01 Nhà đa năng: Là không gian đa năng phục vụ các hoạt động của học sinh và giáo viên nhà trường.

- Các hạng mục phụ trợ; Hệ thống trang thiết bị cho các lớp học và phòng chức năng của các hạng mục công trình xây mới; Trạm biến áp.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 47.394 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***ĐVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
2021	6.300	6.300
2022 - 2023	41.094	41.094
Tổng	47.394	47.394

6. Địa điểm thực hiện: Phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 32**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN BỔ SUNG CƠ SỞ
VẬT CHẤT CHO TRƯỜNG THPT TÂN LANG, HUYỆN PHÙ YÊN***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hiệu quả cho công tác dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông mới của các thầy, cô giáo và con em đồng bào dân tộc trên địa bàn; đáp ứng nhu cầu học tập và yêu cầu đổi mới, chuẩn hóa, từng bước hiện đại hóa giáo dục đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của nhà trường; Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào năm 2025.

2. Quy mô đầu tư

Khởi nhà lớp học thông thường + khối hỗ trợ học tập 02 tầng 08 phòng; Nhà lớp học bộ môn 03 tầng, 6 phòng; Nhà khối hành chính quản trị + khối phụ trợ; Các hạng mục phụ trợ, khu vệ sinh ngoài trời; Nhà đa năng; Nhà công vụ giáo viên; Khu thể dục thể thao, sân chơi, bãi tập.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.**4. Tổng mức đầu tư dự án: 29.095 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (nguồn thu xổ số kiến thiết)	Nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng cộng
2021	6.440		6.440
2022 - 2023	20.655	2.000	22.655
Tổng	27.095	2.000	29.095

6. Địa điểm thực hiện: Huyện Phù Yên.**7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.****8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, nghiệm thu và quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 33**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN
TRƯỜNG THPT MUỜNG GIỜN, HUYỆN QUỲNH NHAI**

(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hiệu quả cho công tác dạy và học chương trình giáo dục phổ thông mới của các thầy, cô giáo và con em đồng bào dân tộc 6 xã trên địa bàn; đáp ứng nhu cầu học tập và yêu cầu đổi mới, chuẩn hóa, từng bước hiện đại hóa giáo dục đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo trên địa bàn; thực hiện tốt nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để phát triển kinh tế - xã hội của huyện Quỳnh Nhai. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào năm 2025.

2. Quy mô đầu tư

- 01 Nhà lớp học thông thường 3 tầng 18 phòng: Tổng diện tích sàn khoảng $S = 2.134 \text{ m}^2$.

- 01 Nhà lớp học bộ môn 3 tầng: Tổng diện tích sàn khoảng $S = 1.132 \text{ m}^2$.

- 01 Nhà ở nội trú học sinh 3 tầng 24 phòng có vệ sinh khép kín. Tổng diện tích sàn khoảng $S = 1.338 \text{ m}^2$.

- 01 Nhà công vụ giáo viên 2 tầng 16 phòng: Tổng diện tích sàn $S = 716 \text{ m}^2$.

- 01 Nhà đa năng: Tổng diện tích sàn khoảng $S = 465 \text{ m}^2$.

- Các hạng mục cải tạo: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (nhà số 01) thành khối nhà hành chính quản trị; nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (nhà số 02) thành khối nhà hỗ trợ học tập; nhà hiệu bộ 1 tầng 7 gian hiện có thành Nhà ăn và nhà bếp; Khu công vụ giáo viên: Cải tạo nhà công vụ giáo viên 1 tầng 5 phòng hiện có (không có vệ sinh);

- Các hạng mục phụ trợ: San nền; Xây dựng hệ thống kè chắn đất; Hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện, hệ thống chữa cháy ngoài nhà; Hệ thống sân, cổng, tường rào, tiểu cảnh; Hệ thống trạm biến áp và đường dây; Di chuyển đường điện cũ;

- Các hạng mục hệ thống trang thiết bị: Trang thiết bị cho nhà hiệu bộ; nhà đa năng; 18 phòng học thông thường; 6 phòng học bộ môn; 24 phòng ở nội trú học sinh; 16 phòng ở công vụ giáo viên; nhà ăn, nhà bếp (phục vụ cho khoảng 90 chỗ).

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 61.213 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
2021	7.800	7.800
2022 - 2023	53.413	53.413
Tổng	61.213	61.213

6. Địa điểm thực hiện: Xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 34**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN BỔ SUNG CƠ SỞ
VẬT CHẤT CHO TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy - học, tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần cho các em học sinh dân tộc thiểu số ở các vùng đặc biệt khó khăn về học tại trường hàng năm; đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô trường, lớp, nhà nội trú và các điều kiện cần thiết để đón con em dân tộc La Ha có nhu cầu học tập nội trú tại trường theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2023, chuẩn quốc gia mức độ 3 vào năm 2025.

2. Quy mô đầu tư

- Nhà đa năng: Tổng diện tích sàn khoảng 1.200 m²;
- Nhà lớp học bộ môn và khối phòng hỗ trợ học tập 4 tầng, 20 phòng: Tổng diện tích sàn vào khoảng 2.850 m².
- Nhà lớp học thông thường 4 tầng 16 phòng: Tổng diện tích sàn khoảng 1.800 m²;
- Khu vực phòng học và thiết bị giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông, nghề truyền thống của các dân tộc;
- Nhà sinh hoạt văn hóa các dân tộc; Khu sân chơi, thể dục thể thao; Bể bơi ngoài trời; Hạ tầng kỹ thuật.

3. Nhóm dự án: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 45.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn*DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	Tổng cộng
2021	6.300	6.300
2022 - 2023	38.700	38.700
Tổng	45.000	45.000

6. Địa điểm thực hiện: Xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La.
7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.
8. Tiến độ thực hiện dự án:
 - Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.
 - Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 35**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG
BÃI CHÔN LẤP RÁC THẢI HUYỆN MỘC CHÂU***(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Cụ thể hóa mục tiêu Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Sơn La theo lộ trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh; đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải trên địa bàn huyện đảm bảo vệ sinh môi trường xanh, sạch đẹp và phát triển bền vững môi trường, hệ sinh thái của khu vực thực hiện dự án; giải quyết kịp thời tình trạng ô nhiễm môi trường nhằm cải thiện môi trường sống cho dân cư của thị trấn Mộc Châu và các vùng lân cận.

2. Quy mô đầu tư

- Khu xử lý rác thải: Khu xử lý nước rác, Ô chôn lấp rác.
- Hệ thống đường giao thông: 3,5 km.
- Hệ thống phụ trợ: Cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, cây xanh, san nền, nhà điều hành, nhà ở công nhân, cầu rửa xe, nhà xe, hệ thống cân rác,...

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 40.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn***DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (bổ sung cân đối)	Tổng cộng
2021	8.000	8.000
2022 - 2023	32.000	32.000
Tổng	40.000	40.000

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.**7. Thời gian dự án: Năm 2021 - 2023.****8. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.
- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 36
PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN
TRỤ SỞ LÀM VIỆC ĐẢNG ỦY, HĐND - UBND XÃ PHỒNG LẬP,
HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đảm bảo cơ sở vật chất, tạo điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức xã, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

2. Quy mô đầu tư

- Xây dựng mới 01 nhà làm việc 03 tầng theo thiết kế mẫu được phê duyệt tại Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2014 của UBND tỉnh Sơn La.

- Hạng mục phụ trợ: San nền, sân, cổng, tường rào, đường, nhà để xe, hệ thống phòng cháy, cấp nước...

3. Nhóm dự án: Nhóm C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 16.220 triệu đồng

5. Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (nguồn vốn chi đầu tư phát triển)	Nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng cộng
2021	3.790	1.500	5.290
2022	5.710	2.500	10.930
2023		2.720	
Tổng	9.500	6.720	16.220

6. Địa điểm thực hiện: Xã Phồng Lập, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2021: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư; Khởi công dự án.

- Năm 2022 - 2023: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, quyết toán hoàn thành dự án./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 262/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 11 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng
hạ tầng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn II)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 1330/BC-KTNS ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn II) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn II);

2. Mục tiêu đầu tư

Xây dựng hoàn thiện hạ tầng thiết yếu của Khu công nghiệp, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ nhu cầu của các Nhà đầu tư; Hình thành điểm công nghiệp tập trung, khắc phục được tình trạng đầu tư phân tán, góp phần tiết kiệm được vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công tác quản lý môi trường được tốt hơn, tạo điều kiện hợp tác giữa các doanh nghiệp; bố trí, sắp xếp lại dân cư sở tại, dần hình thành khu nhà ở công nhân trong khu công nghiệp; tạo việc làm, ổn định sản xuất, khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, phát triển bền vững nguồn nguyên liệu nông, lâm nghiệp; từng bước tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, xây dựng, dịch vụ giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp đối với khu vực đất nông nghiệp có giá trị kinh tế thấp; tạo nguồn thu cho ngân sách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Quy mô

3.1. Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp

a) Giao thông trong khu công nghiệp

Thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, sơ đồ các tuyến theo dạng ô bàn cờ, phù hợp với quy hoạch chi tiết, tổng chiều dài 4,33 km, gồm:

- Quy mô mặt cắt ngang: Bề rộng nền đường $B_{nền} = 21,0$ m, mặt đường rộng $B_{mặt} = 11,0$ m và hè phố $B_{hè} = (2 \times 5,0) 10,0$ m.

- Mặt đường: Rải bê tông nhựa.

b) Hệ thống thoát nước mặt: Theo hồ sơ quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Hệ thống cấp nước

Sử dụng nước của Nhà máy cấp nước đã được đầu tư ở giai đoạn I với công suất 5.000 m³/ngày đêm.

d) Hệ thống cấp điện

Nguồn điện được đấu nối từ Hệ thống cấp điện cho Khu công nghiệp (đường dây 35Kv) đã được đầu tư ở giai đoạn I. Nhà đầu tư tự bố trí máy biến áp trong phạm vi hàng rào khu đất được giao.

đ) Hệ thống cáp thông tin

Hệ thống cáp truyền dẫn và các tủ cáp thuê bao sử dụng cho khu vực sẽ do các doanh nghiệp ngành bưu chính viễn thông thiết kế, đầu tư xây dựng theo quy hoạch chuyên ngành.

e) Cây xanh: Bố trí dọc hai bên hè phố.

f) Hệ thống thoát nước thải

Nước thải từ các nhà máy trong khu công nghiệp dẫn theo tuyến cống thu gom chung của khu công nghiệp đến Nhà máy xử lý nước thải tập trung (đã được đầu tư ở giai đoạn I).

g) Kênh dẫn nước từ trạm bơm về Nhà máy cấp nước

Giữ nguyên theo thiết kế đã duyệt và hiện trạng đang khai thác, chỉ kiên cố hóa mặt đường của tuyến đường công vụ bằng bê tông xi măng, đảm bảo tương đương tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C (TCVN 10380 - 2014); xây dựng bổ sung 01 hồ sơ lắng phía trước Nhà máy để giảm chi phí vận hành, khai thác của Nhà máy cấp nước khi suối Nậm Pàn vào mùa mưa lũ.

h) Giao thông quản lý kênh thoát nước

Thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại C (TCVN 10380 - 2014); Tổng chiều dài tuyến L = 1,5 km.

i) Cổng chào

Xây dựng tại đầu đường vào Khu công nghiệp, đây là vị trí dễ quan sát, tạo điểm nhấn trên trục đô thị Chiềng Sinh - Nà Sản.

3.2. Xây dựng hạ tầng khu đất ở tái định cư tại chỗ, đất ở cho công nhân trong khu công nghiệp

a) Đường nội bộ khu tái định cư và nhà ở công nhân

Thiết kế phù hợp với phân khu chức năng các lô đất, sơ đồ các tuyến theo dạng ô bàn cờ, phù hợp với quy hoạch chi tiết, tổng chiều dài 2,17 km;

- Quy mô mặt cắt ngang (*bề rộng nền, mặt đường và hè phố*) theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt.

- Mặt đường: Rải bê tông nhựa.

b) Hệ thống thoát nước mặt: Theo hồ sơ quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Hệ thống cấp nước

Sử dụng nước cấp từ Nhà máy cấp nước đã được đầu tư ở giai đoạn I với công suất 5.000 m³/ngày đêm.

d) Hệ thống cấp điện

Nguồn điện được đầu nối từ Hệ thống cấp điện cho Khu công nghiệp (*đường dây 35Kv*). Bố trí 02 trạm biến áp hợp bộ trên trụ (01 cột) 320 KVA-35/0,4 KV, lưới điện hạ áp cáp ngầm cấp điện đến từng hộ. Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng đường phố trên các tuyến đường.

đ) Hệ thống cáp thông tin

Hệ thống cáp truyền dẫn và các tủ cáp thuê bao sử dụng cho khu vực sẽ do các đơn vị ngành bưu chính viễn thông thiết kế, đầu tư xây dựng theo quy hoạch chuyên ngành.

e) Cây xanh: Bố trí dọc hai bên hè phố

f) Hệ thống thoát nước thải

Hệ thống thoát nước được thiết kế theo hình thức thu gom trong khu dân cư, từ đây cấp vào tuyến cống thu gom chung của khu công nghiệp dẫn đến Nhà máy xử lý nước thải tập trung (đã được đầu tư ở giai đoạn I).

g) San nền tạo quỹ đất ở và đất công cộng: Diện tích 8,18 ha, đảm bảo cốt san nền theo quy hoạch.

3.3. Giao thông đối ngoại

Đường tỉnh 118 (Quốc lộ 6 - Khu công nghiệp Mai Sơn, chiều dài $L = 5,7$ km). Giữ nguyên quy mô đã được phê duyệt ở giai đoạn I và hiện trạng tuyến đường đang khai thác: Xây dựng hoàn chỉnh nút giao với đường Quốc lộ 6; Sửa chữa công trình thoát nước; tăng cường lớp mặt đường bằng bê tông nhựa; bổ sung hệ thống an toàn giao thông.

4. Tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 400.858 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn

Ngân sách nhà nước (gồm Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác).

6. Địa điểm: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS 100b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 263/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 11 tháng 03 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6
trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 1330/BC-KTNS ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (có Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, UBND tỉnh có thể điều chỉnh một số chỉ tiêu không làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch;

Trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết.

3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Xây dựng; Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT- KTNS (100 bản).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
LIÊN HUYỆN ĐỘC QUỐC LỘ 6 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Nghị quyết số 263/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu lập quy hoạch

- Xây dựng cơ sở pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp hoạch định chính sách, tổ chức phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững cho vùng dọc trục QL6 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tạo lập phương án phát triển tổng thể, bố trí không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển và định hướng các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động các điều kiện, nguồn lực của vùng.

- Hướng tới phát triển vùng dọc Quốc lộ 6 trên cả 4 mặt: Phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh.

2. Quan điểm lập quy hoạch

- Thực hiện theo các định hướng chiến lược phát triển quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của tỉnh, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành liên quan đến địa bàn tỉnh.

- Đánh giá đúng thực trạng, xu hướng phát triển, tiềm năng, lợi thế, trong phát triển kinh tế của vùng.

- Phù hợp với điều kiện và khả năng cân đối, huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính khả thi, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực; phát triển nhanh và bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường.

3. Các nguyên tắc lập quy hoạch

- Tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo quy định của pháp luật liên quan và thực hiện đúng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành, lĩnh vực với quản lý hành chính, bảo vệ môi trường, quốc phòng - an ninh; đảm bảo mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, kết nối liên ngành, lĩnh vực và liên vùng.

- Đảm bảo tính bền vững, khả thi, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của tỉnh và cả nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phân tích các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, của tỉnh trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực, phân bổ nguồn lực phát triển.

- Khách quan, hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và cộng đồng; lợi ích của các huyện trong vùng quy hoạch.

4. Quy mô, phạm vi nghiên cứu và giai đoạn lập quy hoạch

4.1. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: Thuộc địa giới 06 đơn vị hành chính, gồm: (1) Huyện Thuận Châu, (2) Thành phố Sơn La, (3) Huyện Mai Sơn, (4) Huyện Yên Châu, (5) Huyện Mộc Châu, (6) Huyện Vân Hồ.

Ranh giới: Phía Bắc và Tây giáp tỉnh Điện Biên; phía Đông Bắc giáp huyện Quỳnh Nhai, Mường La, Bắc Yên, Phù Yên; phía Tây Nam giáp huyện Sông Mã; phía Nam giáp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; phía Đông Nam giáp tỉnh Thanh Hóa và Hòa Bình.

4.2. Quy mô quy hoạch

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: Tổng diện tích tự nhiên khoảng 6195,92 km²;

- Quy mô dân số: Dân số trong vùng quy hoạch khoảng 700.000 người.

(Quy mô dân số dự báo toàn vùng quy hoạch theo các giai đoạn sẽ được đề xuất cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng).

4.3. Giai đoạn quy hoạch

- Giai đoạn: 10 năm (Từ năm 2021 đến năm 2030).

- Tầm nhìn: Đến năm 2050.

5. Tính chất của khu vực lập quy hoạch

- Là vùng phát triển kinh tế (*thương mại, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp*) gắn với tiềm năng, lợi thế của các địa phương dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Là vùng động lực phát triển kinh tế vùng quốc lộ 6, thúc đẩy kinh tế - xã hội của toàn tỉnh.

- Là vùng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, hỗ trợ, đóng góp vào tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của tỉnh nói chung và từng đơn vị hành chính nói riêng.

- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng của tỉnh.

6. Yêu cầu về khảo sát, đánh giá hiện trạng

Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội vùng; hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ

thuật vùng; hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đánh giá việc phối hợp, liên kết phát triển giữa các tỉnh lân cận, các huyện trong vùng; nêu rõ hiệu quả, bất cập trong triển khai việc liên kết phát triển đối với công tác quản lý thực hiện quy hoạch, làm cơ sở đề xuất các giải pháp trong đồ án quy hoạch.

7. Định hướng phát triển không gian vùng

7.1. Yêu cầu chung

- Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển.
- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù;

- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Xây dựng hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội. Phân cấp, phân loại đô thị - nông thôn theo địa giới và quản lý hành chính. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển.

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

7.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Dự báo phát triển không gian, những xu thế phát triển mới, các dự báo phát triển kinh tế của vùng, những tác động đến khu vực quy hoạch.

- Đô thị trung tâm của các huyện, thành phố: Là trung tâm văn hóa, chính trị, hành chính, văn hóa, kinh tế cấp huyện, tập trung các hoạt động thương mại dịch vụ; làm rõ quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí cho các giải pháp định hướng phát triển không gian vùng đô thị trung tâm làm tiền đề phát triển các giai đoạn tiếp theo; định hướng phát triển các tuyến đường chính kết nối trung tâm huyện với các trục động lực phát triển.

- Các trục, vùng động lực phát triển: Trục động lực phát triển dọc theo Quốc lộ 6; trục động lực phát triển ngang theo vùng lòng hồ sông Đà; Vùng cao biên giới,...

- Hệ thống đô thị: Nghiên cứu định hướng phân bố hệ thống đô thị, hình thái phát triển đô thị, các đô thị chức năng.

- Các điểm dân cư nông thôn: Xây dựng khu ở dân cư nông thôn theo tiêu chuẩn nông thôn mới, có thể nghiên cứu bổ sung tiêu chí đặc thù.

- Vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Đề xuất, bố trí các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.
- Đối với các vùng sản xuất nông nghiệp: Quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, vùng sản xuất chuyên canh, sản xuất tập trung.
- Phát triển vùng du lịch: Tập trung phát triển du lịch, dịch vụ, vui chơi giải trí, văn hóa, tâm linh và bảo tồn phát huy giá trị các di tích.
- Xác định hướng phát triển chính dọc theo tuyến Quốc lộ 6.
- Việc tổ chức không gian vùng cần tuân thủ nguyên tắc: Bố trí các khu chức năng hợp lý, khoa học, bám sát địa hình tự nhiên, đảm bảo quy mô theo tiêu chuẩn quy phạm, đáp ứng được các yêu cầu quản lý và hiệu quả trong sử dụng đất đai, đảm bảo phù hợp với các định hướng phát triển của tỉnh.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Xác định các định hướng tổng quát về các phát triển hạ tầng kỹ thuật khung trên toàn vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6, mỗi liên kết vùng với các vùng lân cận, đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng của các địa phương trong vùng. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu phát triển, gồm: Giao thông, chuẩn bị kỹ thuật, thoát lũ và thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

9. Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng

Nội dung theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ và phải có các sơ đồ kèm theo.

10. Đánh giá môi trường chiến lược

Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định hiện hành.

11. Kinh phí đầu tư và nguồn lực thực hiện

Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn thực hiện./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 264/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 11 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 1330/BC-KTNS ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (có Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, UBND tỉnh có thể điều chỉnh một số chỉ tiêu không làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch; Trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch được duyệt, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết.

3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Xây dựng; Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT-KTNS (100 bản).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN
DỌC LÒNG HỒ SÔNG ĐÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
(Kèm theo Nghị quyết số 264/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu lập quy hoạch

- Xây dựng cơ sở pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp hoạch định chính sách, tổ chức phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững cho vùng dọc trục lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tạo lập phương án phát triển tổng thể, bố trí không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển và định hướng các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động các điều kiện, nguồn lực của vùng.

- Hướng tới phát triển vùng dọc lòng hồ sông Đà trên cả 4 mặt: Phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh.

2. Quan điểm lập quy hoạch

- Thực hiện theo các định hướng chiến lược phát triển quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của tỉnh, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành liên quan đến địa bàn tỉnh.

- Đánh giá đúng thực trạng, xu hướng phát triển, tiềm năng, lợi thế, trong phát triển kinh tế của vùng.

- Phù hợp với điều kiện và khả năng cân đối, huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính khả thi, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực; phát triển nhanh và bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường.

3. Các nguyên tắc lập quy hoạch

- Tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo quy định của pháp luật liên quan và thực hiện đúng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành, lĩnh vực với quản lý hành chính, bảo vệ môi trường, quốc phòng - an ninh; đảm bảo mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, kết nối liên ngành, lĩnh vực và liên vùng.

- Đảm bảo tính bền vững, khả thi, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của tỉnh và cả nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phân tích các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, của tỉnh trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực, phân bổ nguồn lực phát triển.

- Khách quan, hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và cộng đồng; lợi ích của các huyện trong vùng quy hoạch.

4. Quy mô, phạm vi nghiên cứu và giai đoạn lập quy hoạch

4.1. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính các huyện Quỳnh Nhai, Mường La, Phù Yên, Bắc Yên và các xã Chiềng Ngâm, Liệp Tè, Mường Khiêng, Bó Mười của huyện Thuận Châu; các xã Chiềng Chăn, Tà Hộc của huyện Mai Sơn; các xã Tân Hợp, Quy Hướng, Nà Mường, Tà Lại của huyện Mộc Châu; các xã Suối Bàng, Song Khũa, Liên Hòa, Mường Tè, Mường Men, Quang Minh của huyện Vân Hồ.

Ranh giới: Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, Yên Bái; Phía Đông giáp tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình; Phía Tây giáp tỉnh Điện Biên; phía Tây Nam giáp huyện Thuận Châu, Thành phố Sơn La, huyện Mai Sơn, huyện Yên Châu, huyện Mộc Châu, huyện Vân Hồ.

4.2. Quy mô quy hoạch

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: Tổng diện tích tự nhiên khoảng 1.492 km²;

- Quy mô dân số: Dân số trong vùng quy hoạch khoảng 423.390 người.

(Quy mô dân số dự báo toàn vùng quy hoạch theo các giai đoạn sẽ được đề xuất cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng).

4.3. Giai đoạn quy hoạch

- Giai đoạn: 10 năm *(từ năm 2021 đến năm 2030)*.

- Tầm nhìn: Đến năm 2050.

5. Tính chất của khu vực lập quy hoạch

- Là vùng phát triển kinh tế *(công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp)* gắn với tiềm năng, lợi thế của các địa phương dọc lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Là vùng động lực phát triển kinh tế vùng dọc sông Đà, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Là vùng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn dọc lòng hồ sông Đà, hỗ trợ, đóng góp vào tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của tỉnh nói chung và từng đơn vị hành chính nói riêng.

- Là vùng liên huyện dọc lòng hồ sông Đà có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng của tỉnh.

6. Yêu cầu về khảo sát, đánh giá hiện trạng

Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội vùng; hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật vùng; hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đánh giá việc phối hợp, liên kết phát triển giữa các tỉnh lân cận, các huyện trong vùng; nêu rõ hiệu quả, bất cập trong triển khai việc liên kết phát triển đối với công tác quản lý thực hiện quy hoạch, làm cơ sở đề xuất các giải pháp trong đồ án quy hoạch.

7. Định hướng phát triển không gian vùng

7.1. Yêu cầu chung

- Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển.
- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù;
- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Xây dựng hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội. Phân cấp, phân loại đô thị - nông thôn theo địa giới và quản lý hành chính. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển.
- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

7.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng

- Dự báo phát triển không gian, những xu thế phát triển mới, các dự báo phát triển kinh tế của vùng, những tác động đến khu vực quy hoạch.
- Đô thị trung tâm của các huyện: Là trung tâm văn hóa, chính trị, hành chính, văn hóa, kinh tế cấp huyện, tập trung các hoạt động thương mại dịch vụ; làm rõ quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí cho các giải pháp định hướng phát triển không gian vùng đô thị trung tâm làm tiền đề phát triển các giai đoạn tiếp theo; định hướng phát triển các tuyến đường chính kết nối trung tâm huyện với các trục động lực phát triển.
- Các trục, vùng động lực phát triển: Trục động lực phát triển dọc theo Quốc lộ 6; trục động lực phát triển ngang theo vùng lòng hồ sông Đà; Vùng cao biên giới,...

- Hệ thống đô thị: Nghiên cứu định hướng phân bố hệ thống đô thị, hình thái phát triển đô thị, các đô thị chức năng.

- Các điểm dân cư nông thôn: Xây dựng khu ở dân cư nông thôn theo tiêu chuẩn nông thôn mới, có thể nghiên cứu bổ sung tiêu chí đặc thù.

- Vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Đề xuất, bố trí các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

- Đối với các vùng sản xuất nông nghiệp: Quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, vùng sản xuất chuyên canh, sản xuất tập trung.

- Phát triển vùng du lịch: Tập trung phát triển du lịch, dịch vụ, vui chơi giải trí, văn hóa, tâm linh và bảo tồn phát huy giá trị các di tích.

- Xác định hướng phát triển chính dọc lòng hồ sông Đà.

- Việc tổ chức không gian vùng cần tuân thủ nguyên tắc: Bố trí các khu chức năng hợp lý, khoa học, bám sát địa hình tự nhiên, đảm bảo quy mô theo tiêu chuẩn quy phạm, đáp ứng được các yêu cầu quản lý và hiệu quả trong sử dụng đất đai, đảm bảo phù hợp với các định hướng phát triển của tỉnh.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Xác định các định hướng tổng quát về các phát triển hạ tầng kỹ thuật khung trên toàn vùng liên huyện dọc lòng hồ sông Đà, mối liên kết vùng và với các vùng lân cận, đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng của các địa phương trong vùng.

Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu phát triển, gồm: Giao thông, chuẩn bị kỹ thuật, thoát lũ và thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

9. Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng

Nội dung theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ và phải có các sơ đồ kèm theo.

10. Đánh giá môi trường chiến lược

Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định hiện hành.

11. Kinh phí đầu tư và nguồn lực thực hiện

Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn thực hiện./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 265/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 11 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án nhà nước
thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án
đầu tư năm 2021 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật
Đất đai;*

*Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 07 tháng 3
năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 1330/BC-KTNS ngày 10 tháng 3 năm 2021 của
Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

1. Thông qua danh mục bổ sung 04 dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2021. Tổng diện tích đất thu hồi: 69.466 m²; Tổng diện tích cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 90.514,4 m² (Biểu số 01 kèm theo).

2. Điều chỉnh diện tích thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 02 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 (Biểu số 02 kèm theo).

3. Điều chỉnh thời gian tiếp tục thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 03 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết như: Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017; Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017; Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 (*Biểu số 03 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT- KTNS (100 bản).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
DANH MỤC BỔ SUNG DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT,
CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)					Phân loại dự án theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Diện tích thu hồi theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Diện tích cho phép chuyển mục đích theo Điều 58 Luật Đất đai	Đất trồng lúa		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)		Số ký hiệu văn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4=6+7+8	5 =6+7	6	7	8	9	10	11	12
Tổng			69.070	90.514,4	90.200	314,3	9.496,4				
1	Cầu bản San thuộc Triều dự án Hồ chứa nước bản Mòng, tỉnh Sơn La	Xã Hua La, thành phố Sơn La	3.300	1.600	1.600		1.700	Điểm b	2321 QĐ-UBND ngày 26/10/2020	Vốn Trái phiếu Chính phủ	18.268
2	Dự án chỉnh trang đô thị dọc đường Điện Biên, thành phố Sơn La. Trong đó:	1.570,0									
2.1	Thu hồi đất giải phóng mặt bằng dọc đường Điện Biên (32 hộ đầu đi)	Phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	1.570				1.570	Điểm d	240 NQ-HĐND ngày 08/12/2020	Ngân sách tỉnh	106.833

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)					Phân loại dự án theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Diện tích thu hồi theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Diện tích cho phép chuyển mục đích theo Điều 58 Luật Đất đai	Đất trồng lúa		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)		Số ký hiệu văn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ					
2.2	Thu hồi khu đất Hợp tác xã Kinh doanh tổng hợp 26/8 Chiềng Lè (TĐC chỉnh trang đường Điện Biên)	Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La	396				396	Điểm d	240 NQ-HĐND ngày 08/12/2020	Ngân sách tỉnh	35.568
3	Kè chống sạt lở suối Vạt, bảo vệ thị trấn Yên Châu (giai đoạn I)	Xã Viêng Lán, huyện Yên Châu	64.200	60.300	60.300		3.900	Điểm b	334 QĐ-UBND ngày 01/3/2021	Ngân sách Trung ương	120.000
4	Trụ sở làm việc Công an huyện Thuận Châu	Xã Chiềng Lỵ, huyện Thuận Châu		28.614,4	28.300,1	314,3	1.930,4		11043 QĐ-BCA-H02 ngày 29/12/2020	Ngân sách Nhà nước Bộ Công an	82.300

Biểu số 02
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT ĐỀ THỰC HIỆN NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích, loại đất đã được HĐND tỉnh thông tin tại các Nghị quyết						Diện tích, loại đất sau điều chỉnh				Nguồn vốn thực hiện		
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua	Diện tích thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Diện tích cho phép chuyển đổi đất theo Điều 58 Luật Đất đai	Trong đó		Diện tích thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Diện tích cho phép chuyển đổi đất theo Điều 58 Luật Đất đai	Trong đó		Loại đất sau khi chuyển đổi	Số kỳ hiệu văn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
						Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)			Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)				
1	2	3	4	5 = 7 + 8	6 = 7	7	8	9 = 11 + 12	10 = 11	11	12	13	14	15	16
Tổng															
1	Khu đô thị số 1, phường Chiềng An	Phường Chiềng An	109 NQ-HĐND; 110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	90.600	72.000	72.000	18.600	90.600	88.794	88.794	1.806	ODT, DVTM, đất công cộng, cây xanh	500/QĐ-UBND ngày 01/3/2019, 1292/UBND-KT ngày 20/4/2018	Nhà đầu tư	62.420
2	Khu đô thị số 2, phường Chiềng An	Phường Chiềng An	109 NQ-HĐND 110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	97.800	63.200	63.200	34.600	97.800	94.748	94.748	3.052	ODT, DVTM, đất công cộng, cây xanh	2946/QĐ-UBND ngày 03/12/2019; 1642/UBND-KT ngày 22/5/2018	Nhà đầu tư	64.811

Biểu số 03
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT ĐỀ THỰC HIỆN NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)				Phân loại Dự án theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
				Diện tích thu hồi theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Diện tích cho phép chuyển mục đích theo Điều 58 Luật Đất đai	Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng)		Số kỳ hiệu vốn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4	5 = 7 + 8	6 - 7	7	8	9	10	11	12
Tổng				148.420	83.713	83.713	66.956				
1	Dự án Kè suối Nậm La (giai đoạn II) đoạn từ Hồ tuổi trẻ đến cầu Tông Panh	Phường Chiềng An; xã Chiềng Xôm	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND; 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	100.520	70.364	70.364	30.156	Điểm b	1346/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh; 460/TĐC-KHĐT ngày 02/10/2017	TĐC thủy điện Sơn La và huy động, lồng ghép vốn khác	318.519
2	Trụ sở làm việc Văn phòng và 02 Xí nghiệp thành phố (Dự án thỏa thuận nhận chuyển nhượng QSD đất)	Phường Chiềng An	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017		2.249	2.249			659/QĐ-UBND ngày 26/3/2017	Nhà đầu tư	19.096
3	Khu dân cư mới phường Quyết Thắng (chuyển thực hiện dự án chỉnh trang đô thị đường Điện Biên)	Phường Quyết Thắng	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND; 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	47.900	11.100	11.100	36.800	Điểm d	766/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND thành phố	Ngân sách tỉnh	57.780

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/CT-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CHỈ THỊ

**Về việc đơn đốc thực hiện nhiệm vụ
sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021**

Trước những khó khăn, thách thức lớn của năm 2020, nhất là tác động, ảnh hưởng nghiêm trọng trên nhiều mặt của đại dịch Covid-19 và thiên tai, dịch bệnh, nhưng với sự quyết tâm cao, nỗ lực lớn của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, tỉnh ta đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, thực hiện thành công “*Mục tiêu kép*” vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh, vừa tập trung phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân. Đặc biệt, Đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã thành công rực rỡ, góp phần củng cố niềm tin, khí thế, niềm tự hào vững bước đi lên của tỉnh ta trong giai đoạn phát triển mới.

Để chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ nhân dân đón Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, các cấp, các ngành đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 44/CT-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Trước tình hình đại dịch Covid-19 xuất hiện trở lại từ cuối tháng 01 năm 2021 và lây lan nhanh trên diện rộng do biến thể mới của vi-rút tại một số tỉnh trong nước, với tinh thần thần tốc “*Chống dịch như chống giặc*”, các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng, đặc biệt là ngành y tế và các huyện, thành phố đã chủ động triển khai kịp thời, quyết liệt, đồng bộ, mạnh mẽ, sáng tạo, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch; quyết tâm ngăn chặn dịch bệnh lây lan, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị. Đến nay, tỉnh ta không phát sinh các ca lây nhiễm.

Trong dịp Tết, nhờ sự vào cuộc chủ động, tích cực của cả hệ thống chính trị trong việc chuẩn bị phục vụ Tết và nhiều biện pháp đồng bộ đã được triển khai để phòng, chống dịch Covid-19, nhân dân toàn tỉnh đã đón Tết trong không khí sum vầy, vui tươi, an toàn... Các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp đã thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ, chăm lo Tết cho nhân dân theo Chỉ thị của Ban Bí thư, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với Cách mạng, hộ nghèo, đồng bào vùng bị thiệt hại do thiên tai, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn..., được thực hiện kịp thời để mọi nhà, mọi người đều được đón Xuân, vui Tết. Nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nghĩa cử cao đẹp, chung tay chia sẻ, tương thân, tương ái, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn chuẩn bị Tết. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, thực hiện tốt.

Trong dịp Tết, thị trường hàng hóa phong phú, giá cả ổn định, cung ứng đầy đủ nhu cầu thực phẩm, phục vụ nhân dân đón Tết. Tiền lương, tiền thưởng cho người lao động cơ bản được bảo đảm kịp thời, đúng quy định. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền về những thành tựu của đất nước, của tỉnh, các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân được tăng cường phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh. Chủ tịch UBND tỉnh ghi nhận, đánh giá rất cao và biểu dương tinh thần quyết tâm và sự nỗ lực của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các lực lượng chức năng đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ trong dịp Tết, đặc biệt là đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế, lực lượng công an, quân đội, các tình nguyện viên và các huyện, thành phố đã chủ động, quyết liệt triển khai kịp thời Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 và Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh trong phòng, chống dịch Covid-19; các huyện, thành phố đã rất trách nhiệm, chủ động dừng nhiều hoạt động tập trung đông người, bố trí cán bộ, lực lượng thường trực và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống dịch bệnh; các cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang đã ngày đêm canh giữ, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Để phấn đấu thực hiện thành công toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đã đề ra theo Kết luận Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh, thực hiện Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, Chủ tịch UBND yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố quán triệt nghiêm túc, tập trung triển khai ngay các nhiệm vụ, công việc sau kỳ nghỉ Tết. Cụ thể như sau:

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố quán triệt và kiên định thực hiện “Mục tiêu kép”, tuyệt đối không chủ quan với dịch bệnh, chủ động theo dõi, bám sát tình hình, chuẩn bị các kịch bản, tình huống, giải pháp đề ứng phó hiệu quả với diễn biến dịch bệnh; tiếp tục thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2021, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2021; đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực, địa bàn, tạo khí thế phấn khởi ngay từ năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp.

2. Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19, Sở Y tế, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chuẩn bị sẵn sàng phương châm 04 tại chỗ về nhân lực, vật tư, sinh phẩm, trang thiết bị và các kịch bản, tình huống có thể xảy ra để chủ động, xử lý nhanh chóng, kịp thời.

Tiếp tục chủ động rà soát triệt để các trường hợp đi về từ khu vực có dịch, các trường hợp tiếp xúc gần với các trường hợp mắc bệnh, các trường hợp nhập cảnh trái phép qua biên giới; thực hiện việc truy vết thần tốc, khoanh vùng dập dịch triệt để không để dịch lây lan vào địa bàn tỉnh; kịp thời tổ chức giãn cách xã

hội khi phát hiện ca nhiễm mới với phạm vi phù hợp; tăng cường khai báo y tế tại các cơ sở lưu trú; thực hiện nghiêm thông điệp 5K, đặc biệt là bắt buộc đeo khẩu trang nơi công cộng; dập triệt để các ổ dịch trong thời gian sớm nhất.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tiếp tục nhất quán mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, quyết liệt hơn nữa cải cách thủ tục hành chính, môi trường đầu tư, kinh doanh; trong đó:

a) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung nghiên cứu, xử lý hài hòa, có hiệu quả các cân đối lớn để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, giai đoạn 2021 - 2030 của đất nước, trong đó chú trọng việc mở cửa, đổi mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; phát triển nhanh nền kinh tế đi liền với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; phát huy cả nội lực và ngoại lực; vừa xác định mục tiêu ngắn hạn, vừa tính đến mục tiêu dài hạn, bền vững.

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan điều hành lãi suất, tín dụng phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, diễn biến thị trường, hỗ trợ thúc đẩy tín dụng vào các ngành, lĩnh vực trọng yếu, tạo đà cho khôi phục kinh tế trong bối cảnh diễn biến mới của dịch Covid-19; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển các dịch vụ, sản phẩm ngân hàng mới, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính.

c) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hiện hành hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và người lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19; kịp thời đề xuất điều chỉnh hoặc ban hành chính sách hỗ trợ mới và kiến nghị bố trí nguồn kinh phí để triển khai có hiệu quả, khả thi.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tập trung triển khai ngay việc tháo gỡ khó khăn của các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh gặp vướng mắc, nhất là các dự án chế biến nông lâm sản; các giải pháp, nhiệm vụ thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công nói chung và các dự án ODA nói riêng; rà soát, phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công, bảo đảm chất lượng, tiến độ giải ngân thực hiện các dự án ngay từ đầu năm.

đ) Sở Công thương, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố thực hiện đồng bộ các biện pháp phát triển thị trường nội địa, kích cầu tiêu dùng hợp lý; hỗ trợ doanh nghiệp kết nối thị trường, thúc đẩy xuất khẩu.

e) Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, giảm chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, đồng thời thu hút đầu tư, thúc đẩy mạnh mẽ các ngành công nghiệp, dịch vụ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động

kinh doanh năm 2021 và tổ chức triển khai thực hiện; tăng cường đối thoại, tham vấn, tiếp thu ý kiến của các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp về quy định không còn phù hợp, là rào cản, gây khó khăn đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh để kịp thời sửa đổi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, người dân.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục theo dõi sát tình hình thời tiết, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp; theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, nhất là dịch tả lợn Châu Phi, cúm gia cầm, bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò để chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống, bảo vệ sản xuất; tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi đẩy mạnh công tác trồng, bảo vệ và phát triển rừng, tổ chức phát động trồng cây tại các địa phương ngay sau Tết Nguyên đán; bảo đảm cung cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp; tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, nhất là hạn hán, đông lạnh, mưa đá... UBND các huyện, thành phố triển khai sản xuất vụ Đông Xuân theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tiếp tục khắc phục hậu quả thiên tai, mưa lũ, bảo đảm người dân có chỗ ở ổn định trước mùa mưa lũ tới.

5. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Xây dựng và các cơ quan có liên quan tập trung xây dựng quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các quy hoạch và quy định pháp luật liên quan.

6. Sở Công thương

a) Tập trung chỉ đạo thúc đẩy sản xuất công nghiệp ngay sau kỳ nghỉ Tết; đẩy nhanh tiến độ các tiểu dự án cấp điện nông thôn.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố liên quan có giải pháp cụ thể, hiệu quả hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc lưu thông, xuất nhập khẩu, tiêu thụ hàng hóa, không để ách tắc trong khâu giao nhận, vận tải làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

c) Phối hợp với Sở Y tế bảo đảm cung ứng đầy đủ vật tư, trang thiết bị cho phòng, chống dịch Covid-19; chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 tại cơ sở sản xuất, nhà máy, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...

7. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo bố trí đủ phương tiện phục vụ cho nhu cầu đi lại sau Tết; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND các huyện, thành phố tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, lễ hội Xuân gắn với an

toàn phòng, chống dịch Covid-19; hạn chế tối đa hoặc dừng các hoạt động lễ hội, tập trung đông người để giảm thiểu khả năng lây lan dịch bệnh.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, cơ quan liên quan hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, cơ sở giáo dục và đào tạo về việc trở lại trường của học sinh, sinh viên, việc tổ chức học tại trường gắn với phòng, chống dịch Covid-19 và việc chuyển đổi sang hình thức học trực tuyến để bảo đảm chương trình học.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố để kịp thời có giải pháp phù hợp, hạn chế tình trạng thiếu lao động sau kỳ nghỉ Tết, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp.

11. Công an tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả các phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, nhất là trong dịp bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tiếp tục đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, kiên quyết xử lý nghiêm hành vi vi phạm về nồng độ cồn, sử dụng ma túy khi điều khiển phương tiện giao thông, chạy xe quá tốc độ quy định; tích cực tham gia công tác phòng, chống dịch Covid-19. Chủ động công tác phòng ngừa cháy, nổ, nhất là tại lễ hội, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu dân cư...

12. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh theo dõi sát tình hình, có biện pháp ứng phó kịp thời, giữ vững chủ quyền quốc gia, an ninh biên giới; thực hiện tốt công tác tuyên quân gắn với bảo đảm yêu cầu phòng chống dịch Covid-19; tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ biên giới, ngăn chặn và xử lý kịp thời hoạt động nhập cảnh trái phép, nhất là tại các đường mòn, lối mở, trên tuyến biên giới.

13. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật, nhất là về phòng, chống dịch bệnh và về bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

14. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện thông tin, tuyên truyền về những thành tựu quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực của đất nước, của tỉnh, việc thực hiện “*Mục tiêu kép*” vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động thi đua lao động sản xuất, kinh doanh phù hợp với diễn biến tình hình dịch Covid-19, động viên toàn xã hội quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

15. Văn phòng UBND tỉnh

a) Rà soát, tổng hợp, kịp thời có văn bản đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo nhưng còn vướng mắc, tồn đọng; các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày

01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2021 tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2021.

b) Đôn đốc các cơ quan, UBND các huyện, thành phố tăng cường họp trực tuyến và gửi - nhận văn bản điện tử; giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí, giảm tiếp xúc trực tiếp, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

16. Cán bộ, công chức, viên chức phát huy tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, khẩn trương tập trung xử lý công việc ngay từ ngày làm việc đầu tiên, nhất là những công việc tồn đọng do nghỉ Tết. Không tổ chức liên hoan, chúc Tết ảnh hưởng đến công việc, thời giờ làm việc và công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tiếp tục thúc đẩy làm việc trên môi trường mạng và các hoạt động trực tuyến.

17. Các doanh nghiệp, doanh nhân, hiệp hội ngành nghề và toàn thể nhân dân tiếp tục phát huy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn với phòng, chống dịch hiệu quả. Cơ quan hành chính nhà nước các cấp phải luôn sát cánh, đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh.

18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể các cấp phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết, huy động toàn dân, đoàn viên, hội viên chung sức phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận TQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Huyện ủy, Thành ủy (p/h);
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT Thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hải) 20bản.

(b/c)

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/CT-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 02 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2021

Theo dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia, thời gian tới tình hình thời tiết tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp và bất thường, ảnh hưởng đến công tác bảo vệ rừng và nguy cơ cháy rừng cao, nhất là những vùng trọng điểm dễ cháy, những khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và khu bảo tồn thiên nhiên.

Để chủ động trong công tác bảo vệ rừng, ngăn chặn, hạn chế tới mức thấp nhất các vụ cháy rừng, bảo vệ tài nguyên rừng và giữ vững môi trường sinh thái tại địa phương. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các chủ rừng

Tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; Công văn số 5256/VPCP-NN ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về Bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2021.

2. UBND các huyện, thành phố

- Tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước của chính quyền cơ sở về quản lý bảo vệ rừng theo quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; gắn trách nhiệm của các chủ rừng và nhân dân trong công tác bảo vệ rừng với việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn và các phòng chuyên môn, các đơn vị liên quan, tập trung mọi nguồn lực để thực hiện quyết liệt hơn nữa công tác Bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; kiểm tra và tổ chức việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy tại địa phương; xử lý hành chính các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với cơ quan thông tấn báo chí, Đài Phát thanh tăng cường hoạt động tuyên truyền, tăng cường thời lượng phát sóng nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; thực hiện phương châm 4 tại chỗ (*Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ*) trong công tác chữa cháy rừng; Thông tin về cháy rừng phải được thông báo rộng rãi, nhanh chóng, kịp thời cho chính quyền địa phương và cơ quan chủ trì về phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Tổ chức kiểm tra các chủ rừng về việc xây dựng, thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng. Xác định cụ thể các khu vực trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng cao để bố trí các nguồn lực, đảm bảo ngăn chặn và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh, không để xảy ra cháy rừng và cháy lớn. Tổ chức các lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, tăng cường lực lượng tại khu vực có nguy cơ xảy ra cháy và cháy lớn.

- Tổ chức, bố trí lực lượng canh phòng, kiểm soát chặt chẽ người vào những khu vực rừng có nguy cơ cháy cao, tạm dừng các hoạt động xử lý thực bì bằng lửa trong mùa hanh khô; bố trí lực lượng thường trực 24/24 giờ tại các chốt, trạm chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng trong suốt mùa khô hanh và ở những nơi có nguy cơ cháy cao.

- Chỉ đạo các lực lượng liên ngành (*kiểm lâm, công an, quân đội*) thực hiện quy chế phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo đảm lực lượng, vật tư, trang thiết bị và hậu cần; thường trực, sẵn sàng phối hợp các lực lượng ứng phó, xử lý khi có cháy rừng xảy ra. Chỉ đạo lực lượng Công an phối hợp với Kiểm lâm điều tra xác minh, làm rõ nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng, xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi vi phạm và trách nhiệm quản lý của người đứng đầu khi để xảy ra cháy rừng.

- Chỉ đạo các lực lượng trên địa bàn thực hiện quy chế phối hợp, diễn tập công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo đảm lực lượng, vật tư, trang thiết bị và hậu cần thường trực, sẵn sàng phối hợp các lực lượng ứng phó, xử lý khi có cháy rừng xảy ra; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và các lực lượng trên địa bàn tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; Trong quá trình chữa cháy rừng, ưu tiên bảo đảm an toàn cho người, tài sản, các công trình, phương tiện hoạt động trong phạm vi khu vực cháy rừng, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về rừng.

- Rà soát, bố trí lực lượng, phương tiện chủ động sẵn sàng tham gia chữa cháy rừng theo phương châm "4 tại chỗ". Thiết lập và duy trì thông tin liên lạc các cấp để phục vụ hiệu quả công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng đặc biệt với công tác chỉ huy chữa cháy rừng. Lắp đặt hệ thống biển báo, biển cấm tại các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao; thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo cháy rừng của Cục Kiểm lâm tại Trang điện tử kiendlam.org.vn. Khi xảy ra cháy rừng triển khai ngay lực lượng chữa cháy và thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về Ban Chỉ đạo tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về Quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tăng cường tối đa lực lượng, bám sát địa bàn và tham mưu tích cực, kịp thời cho cấp ủy chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc các Ban Quản lý rừng Đặc dụng, Phòng hộ; Khu bảo tồn thiên nhiên và các chủ rừng thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

Thực hiện hiệu quả công tác thông tin, báo cáo, dự báo, cảnh báo cháy rừng; chế độ theo dõi phòng cháy trên hệ thống thông tin cảnh báo sớm của Cục Kiểm lâm tại trang điện tử kiemlam.org.vn, đảm bảo cập nhật thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; duy trì nghiêm chế độ trực ban 24/24 vào mùa cao điểm và sẵn sàng tham gia chữa cháy cùng các địa phương khi có cháy rừng xảy ra.

4. Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, các Phòng nghiệp vụ, Công an các huyện, thành phố, xã, chủ động các phương án hỗ trợ chữa cháy rừng trên địa bàn các đơn vị đóng quân, đồng thời huy động lực lượng, phương tiện trong trường hợp cần thiết; tổ chức lực lượng tăng cường công tác trinh sát địa bàn, sẵn sàng lực lượng, phương tiện, chỉ huy chữa cháy rừng khi có cháy rừng xảy ra; chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương điều tra làm rõ nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng để xử lý kịp thời, đảm bảo tính răn đe theo đúng quy định của pháp luật.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ động các phương án hỗ trợ chữa cháy rừng trên địa bàn các đơn vị đóng quân, đồng thời huy động lực lượng, phương tiện trong trường hợp cần thiết, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, lực lượng dân quân tự vệ địa phương phối hợp chặt chẽ với lực lượng kiểm lâm, chính quyền địa phương tổ chức lực lượng tuần tra canh gác lửa rừng vào thời điểm có nguy cơ cháy cao; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, dụng cụ, hậu cần sẵn sàng hỗ trợ địa phương, cơ sở chữa cháy rừng, sẵn sàng lực lượng ứng phó, xử lý khi có cháy rừng xảy ra.

6. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chỉ đạo các Đồn Biên phòng, các đơn vị trực thuộc chủ động thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy rừng trên diện tích rừng được giao quản lý, phối hợp chặt chẽ với Hạt Kiểm lâm, chủ rừng tăng cường công tác tuần tra rừng, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

Tăng cường trinh sát ngoại tuyến để phát hiện sớm đám cháy từ các huyện giáp ranh với Nước CHDCND Lào có nguy cơ cháy lan sang các huyện biên giới thuộc tỉnh Sơn La, đề chủ động tham mưu kịp thời cho UBND các huyện biên

giới phòng chống hiệu quả; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, dụng cụ hỗ trợ và tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Sơn La và các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; nêu gương các cá nhân, tổ chức làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, phản ánh những hạn chế để khắc phục ở địa phương, đơn vị; tăng thời lượng phát sóng, đăng tin bài..., và cảnh báo cháy rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trong các trường học.

10. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội đoàn thể tỉnh chỉ đạo các cấp hội, các tổ chức thành viên phối hợp với các cấp, các ngành tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn; phát động phong trào thi đua, ký cam kết làm tốt công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, thành lập các tổ đội tham gia chữa cháy rừng tại địa phương sẵn sàng tham gia chữa cháy rừng khi có yêu cầu.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các sở, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Sơn La, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, Phú 25 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CT-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 02 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường quản lý sản xuất, buôn bán và sử dụng phân bón trên địa bàn tỉnh Sơn La

Trong những năm qua công tác quản lý nhà nước về phân bón đã được các cấp, ngành của tỉnh Sơn La đặc biệt quan tâm, chỉ đạo thực hiện và đạt được những kết quả nhất định. Việc quản lý chặt chẽ chất lượng phân bón; hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán và sử dụng phân bón an toàn, hiệu quả đã góp phần tăng năng suất cây trồng, chất lượng sản phẩm trồng trọt được nâng cao; mô hình sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ được nhân rộng trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả cho người sản xuất, đáp ứng yêu cầu người tiêu dùng. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh vẫn còn tình trạng cơ sở buôn bán phân bón có hành vi vi phạm các quy định của nhà nước về buôn bán, sử dụng phân bón không rõ nguồn gốc, chất lượng không đảm bảo gây ảnh hưởng đến sản xuất, người tiêu dùng.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý phân bón trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới; nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, bền vững, xây dựng nền nông nghiệp hiện đại và khả năng cạnh tranh các sản phẩm của ngành nông nghiệp của tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện một số nội dung như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tăng cường phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực phân bón để giúp các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hiểu đúng và thực hiện theo quy định.

- Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về phân bón cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; tổ chức cung cấp thông tin về chất lượng phân bón cho tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán và người tiêu dùng.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân, các hộ nông dân sử dụng phân bón đảm bảo an toàn, hiệu quả. Khuyến khích nông dân tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, phân sinh học trong sản xuất cây trồng.

- Tiếp nhận, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc công bố hợp quy phân bón của các tổ chức, cá nhân; kiểm tra việc thực hiện khảo nghiệm, quảng cáo phân bón trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định về phân bón như cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, xác nhận quảng cáo phân bón.

- Tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là công tác thanh tra, kiểm tra đột xuất về quản lý phân bón, điều kiện buôn bán phân bón thuộc địa bàn quản lý theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp sản xuất, kinh doanh, sử dụng phân bón giả, phân bón kém chất lượng, phân bón chưa được lưu hành gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và gây bức xúc trong xã hội.

2. Sở Công thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc quản lý chương trình, dự án phát triển xây dựng các nhà máy, cơ sở sản xuất phân bón phù hợp với quy hoạch phát triển cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hút các doanh nghiệp đầu tư cho các nhà máy sản xuất phân bón trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn các huyện, thành phố sử dụng ngân sách của tỉnh và các thủ tục thanh quyết toán nguồn vốn hỗ trợ về sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương tăng cường thu hút, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón; nhất là sản xuất phân bón hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

5. Cục Quản lý thị trường

- Chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường trên địa bàn tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động buôn bán phân bón lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật.

- Kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón lợi dụng thời cơ để đầu cơ, găm hàng, tăng giá phân bón trái quy định của Nhà nước.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật về phân bón cho các tổ chức, cá nhân buôn bán, sử dụng biết để thực hiện.

- Hướng dẫn nông dân sử dụng phân bón đảm bảo an toàn, hiệu quả. Khuyến khích nông dân tăng cường sử dụng các loại phân bón có nguồn gốc hữu cơ, sinh học cho cây trồng.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn; các phòng, ban chuyên môn tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, buôn bán, sử dụng phân bón đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về phân bón. Xử lý theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của nhà nước về phân bón.

7. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Báo Sơn La

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về các quy định của pháp luật đối với sản xuất, buôn bán phân bón để các tổ chức, cá nhân liên quan biết và tự giác thực hiện; tuyên truyền các điển hình, tiên tiến trong công tác quản lý nhà nước về phân bón; các mô hình sử dụng phân bón, phân bón hữu cơ hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

8. Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể

Đề nghị các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, các hội tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên tích cực thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về quản lý phân bón, sử dụng phân bón đúng quy trình kỹ thuật góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho hộ sản xuất, bảo vệ môi trường.

9. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, buôn bán phân bón, sử dụng phân bón

- Thực hiện nghiêm túc quyền lợi và nghĩa vụ của người sản xuất, buôn bán, sử dụng phân bón theo quy định của pháp luật theo Điều 50, 51, 54 của Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Tuân thủ thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện sản xuất, buôn bán phân bón theo Điều 41, 42 của Luật Trồng trọt và Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón

Yêu cầu các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này. Chỉ thị này thay thế nội dung quản lý kinh doanh phân bón của Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; sử dụng thuốc trừ cỏ tại các khu vực đầu nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Sơn La;
- Các Tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán, sử dụng phân bón trên địa bàn tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, Phú 25b.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 392/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Đính chính một số nội dung tại
Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 71/TTr-SKHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính một số nội dung tại Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La như sau:

1. Bỏ nội dung: “Căn cứ Thông báo số 23/TB-VPUB ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh về kết quả Phiên họp thứ 56 - UBND tỉnh khóa XIV” tại phần căn cứ ban hành.

2. Đính chính thời gian thực hiện tại Điều 2:

Nội dung đã phê duyệt: “Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký”.

Nội dung chính: “Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2021”.

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH. G30b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/CT-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 3 năm 2021

CHỈ THỊ

Tăng cường công tác cấp Căn cước công dân trên địa bàn tỉnh Sơn La

Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020; Quyết định số 1368/QĐ-TTg ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân.

Ngày 01 tháng 10 năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 191/KH-UBND để triển khai thực hiện Dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân trên địa bàn tỉnh Sơn La trong đó đặt mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ thu nhận hồ sơ căn cước công dân cho toàn bộ công dân từ đủ 14 tuổi trên địa bàn tỉnh trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Tuy nhiên, đến tháng 3 năm 2021, Công an tỉnh mới được Bộ Công an cấp đủ 26 bộ thiết bị thu nhận hồ sơ căn cước công dân lưu động để thực hiện dự án; tính đến ngày 05 tháng 3 năm 2021 mới tổ chức thu nhận được trên 10.000 hồ sơ căn cước công dân và với tiến độ thực hiện như hiện tại sẽ không đáp ứng được yêu cầu đặt ra là đến ngày 01 tháng 7 năm 2021 phải hoàn thành việc cấp căn cước công dân cho trên 933.000 công dân đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Để đẩy nhanh tiến độ việc hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đặc biệt là hoàn thành mục tiêu cấp căn cước công dân tại địa bàn tỉnh, hướng tới xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về dân cư, góp phần cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong khi thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch dân sự, phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, qua đó tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của cả nước. Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị:

1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn toàn tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Dự án sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân gắn chip điện tử; sử dụng đồng bộ, hiệu quả các biện pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, các tầng

lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa, tác dụng của cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân công nghệ mới trong đó xác định việc xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư và cấp căn cước công dân góp phần tích cực trong xây dựng chính phủ điện tử, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước và đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh.

Từ đó, để các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân có sự nhận thức tích cực, đồng thuận, giúp các cơ quan chức năng, lực lượng Công an có điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án cấp căn cước công dân và thu thập cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư.

2. Công an tỉnh chỉ đạo Công an huyện, thành phố tập trung lực lượng cho cơ sở xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung về thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư đảm bảo thông tin trong cơ sở dữ liệu “*Đúng, đủ, sống, sạch*” theo yêu cầu của Bộ Công an và kịp thời phục vụ vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và công tác cấp căn cước công dân tại địa bàn tỉnh.

Huy động tối đa nhân lực của Công an tỉnh, công an các huyện, thành phố cho việc tổ chức thu nhận hồ sơ căn cước công dân lưu động trên địa bàn toàn tỉnh; chỉ đạo bố trí lực lượng chia làm 3 ca mỗi ca 05 giờ (*từ 07h đến 22h hàng ngày*) làm cả thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ để nâng cao hiệu quả công tác, phấn đấu hoàn thành thu nhận hồ sơ căn cước công dân cho công dân đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Quá trình thực hiện phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Công an về cấp, quản lý căn cước công dân đồng thời tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công an các cấp trong việc triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh, đảm bảo tiến độ, chất lượng công tác. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự trù kinh phí mua sắm bổ sung mỗi tổ cấp lưu động 02 máy tính xách tay, kinh phí hỗ trợ làm thêm giờ cho cán bộ, chiến sỹ xuống cơ sở thực hiện nhiệm vụ cấp căn cước công dân gửi Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn Tư pháp cấp huyện, cấp xã tham mưu với UBND cùng cấp thực hiện việc cấp các loại giấy tờ liên quan đến hộ tịch (*đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch,...*) cho công dân khi có yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho công dân được cấp, bổ sung, điều chỉnh thông tin cá nhân trong các loại giấy tờ trong thời gian sớm nhất, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác và thống nhất, phục vụ việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu dân cư, cấp thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử; Phối hợp với cơ quan Công an trong thực hiện việc thu thập phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư (DC02) đối với công dân có sự thay đổi thông tin thông qua giải quyết các thủ tục đăng ký hộ tịch tại cơ quan Tư pháp các cấp.

4. Sở Tài chính phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu bố trí kinh phí (*mua sắm bổ sung mỗi tổ cấp lưu động 02 máy tính xách tay, kinh phí hỗ trợ làm thêm giờ cho cán bộ, chiến sỹ xuống cơ sở thực hiện nhiệm vụ cấp căn cước công dân*) để Công an tỉnh đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án cấp căn cước công dân nâng cao hiệu quả công tác quản lý dân cư phục vụ cho việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Sở Nội vụ phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, lựa chọn, tham mưu, đề xuất khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, cách làm sáng tạo nâng cao hiệu quả công tác cấp căn cước công dân trên địa bàn tỉnh.

6. UBND cấp huyện, cấp xã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để triển khai thực hiện công tác cấp căn cước công dân đạt hiệu quả, nhất là trong công tác tuyên truyền, tạo điều kiện về cơ sở vật chất (*địa điểm, bàn ghế, điện, nước...*), bố trí kinh phí hỗ trợ lực lượng Công an cùng cấp mua sắm bổ sung trang thiết bị, tài liệu, biểu mẫu cần thiết phục vụ công tác; chỉ đạo các cơ quan, đoàn thể cơ sở (*Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, chính quyền tổ, bản...*) phối hợp với lực lượng Công an tổ chức thu nhận hồ sơ, cấp căn cước công dân cho nhân dân trên địa bàn.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp chính quyền trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, cán bộ, hội viên, đoàn viên chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực đồng thuận, hưởng ứng, phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Công an trong tổ chức cấp căn cước công dân trên địa bàn.

Yêu cầu người đứng đầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, báo cáo kết quả về UBND tỉnh sau khi kết thúc việc triển khai thực hiện 02 Dự án vào ngày 01 tháng 7 năm 2021 (*qua Công an tỉnh để tập hợp chung*). Giao Công an tỉnh chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và báo cáo kết quả với Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an (*Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh phụ trách NC;
- Lưu: VT, NC, ĐH50b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com